

Tải miễn phí tài liệu môn văn
<http://thutrang.edu.vn>

Lý luận văn học

1. Văn học nhận thức, phản ánh đời sống con người

Cũng như hội họa, ca nhạc, điêu khắc... văn học là một môn nghệ thuật. Đối tượng của văn học là con người – con người trong học tập, lao động, chiến đấu, con người trong tình yêu và những mối quan hệ xã hội khác, con người trong không gian thời gian với thiên nhiên, vũ trụ. Nói văn học là nhân học, đúng thế. Văn học không chỉ phản ánh đời sống con người mà còn phải nhận thức con người và đời sống con người, nói lên những ước mơ, khát vọng, những tâm tư, tình cảm của con người trong chiều sâu tâm hồn với sự đa dạng, phong phú.

Chỉ đến lúc nào đó văn học mới là văn học đích thực khi văn học thể hiện được sự khám phá và sáng tạo, có những kiến giải hay và đẹp về con người và đời sống con người.

“Ramayana” có 24.000 câu thơ đôi, “Tam quốc diễn nghĩa” với hàng triệu chữ, bài thơ “Cây chuối” của Nguyễn Trãi, bài thơ tình của Xuân Diệu... đó là văn học.

2. Văn học là sự thể hiện tinh tế tư tưởng và tình cảm, ước mơ và khát vọng, quan điểm và lý tưởng thẩm mỹ của nhà văn đối với con người và cuộc sống. Mỗi trang văn, mỗi bài thơ (đích thực) dù nói về gì, đề tài gì rộng lớn hay bé nhỏ đều thể hiện lòng yêu, sự ghét của tác giả, thể hiện một quan điểm nhân sinh hoặc lên án cái ác, hoặc ca ngợi tình yêu, đưa tới sự hướng thiện, cái cao cả, cái đẹp của thiên nhiên và con người. Văn học mang tính khuynh hướng rõ rệt.

“Độc ác thay, trúc Nam Sơn không ghi hết tội,

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

*Dơ bẩn thay, nước Đông Hải không rửa sạch mùi
Lẽ nào trời đất dung tha
Ai bảo thần dân chịu được*

(Nguyễn Trãi)

*“Trăng nhập vào dây cung nguyệt lạnh
Trăng thương, trăng nhớ, hồi trăng ngân.
Đàn buồn, đàn lặng, ôi đàn chập,
Mỗi giọt rơi tàn như lệ ngân...”*

(Nguyệt Cầm – Xuân Diệu)

*“Yêu biết mấy, những con người đi tới
Hai cánh tay như hai cánh bay lên
Ngực dám đón những phong ba dữ dội
Chân đạp bùn không sợ các loài sên”*

(“Mùa thu tới” – Tố Hữu)

3. Văn học nhận thức và thể hiện bằng hình tượng nghệ thuật

Văn thơ hàm chứa tư tưởng tình cảm. Nhưng văn chương không nói ý một cách khô khan. Vì sao mà có thơ nôi đồng, con cóc? Văn chương đích thực là hoa quý nên mới có hương sắc. Văn chương thấm vào lòng người, bắt tử với thời gian, không có biên giới bởi lẽ văn học nhận thức và thể hiện bằng hình tượng nghệ thuật.

Hình tượng nghệ thuật do nhiều yếu tố, chi tiết nghệ thuật hợp thành. Đọc tác phẩm văn học phải phát hiện ra và cảm nhận các chi tiết nghệ thuật, có thể mới khám phá được cái hay, cái đẹp của hình tượng nghệ thuật.

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

Vậy hình tượng nghệ thuật là gì?

- Trong thơ văn, hình tượng nghệ thuật có thể là một bông hoa, một vầng trăng, một nàng Kiều, một Trương Phi – cũng có thể là một nét của tâm trạng, tình cảm như “Tương tư” của Nguyễn Bính, v.v...

- Vậy, hình tượng là bức vẽ về con người, về cuộc đời, về thiên nhiên cụ thể được nhà văn sáng tạo nên qua liên tưởng, tưởng tượng để thể hiện tư tưởng, tình cảm và khái quát hiện thực một cách thâm mỹ

- Có cảm nhận được hình tượng mới thấy được cái hay, cái ý vị của văn chương.

Văn học là nghệ thuật của ngôn từ

1. Ngôn từ là chất liệu xây dựng hình tượng của văn học

Hội họa dùng màu sắc, đường nét... âm nhạc diễn tả bằng âm thanh, tiết tấu... điêu khắc dùng chất liệu (kim loại, đá, gỗ...) tạo nên hình khối, đường nét v.v... Còn văn học phải diễn tả bằng ngôn từ. Mỗi tác phẩm văn học phải được gắn liền với một thứ ngôn ngữ và văn tự (gốc) nhất định. Ngôn ngữ, văn tự là công cụ của nhà văn. Nhà văn Nguyễn Tuân được ca ngợi là bậc thầy về ngôn ngữ. Văn của ông là tò hoa, là trang văn. Hồ Chí Minh viết văn làm thơ bằng tiếng mẹ đẻ, bằng tiếng Pháp, bằng chữ Hán. Thật là kì tài.

2. Những đặc điểm của ngôn từ văn học

Nhà văn nhà thơ phải sử dụng ngôn từ và trau chuốt nó, tạo thành một thứ ngôn ngữ văn chương giàu có, sang trọng, đẹp đẽ. Ngôn ngữ

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

văn học có những đặc điểm sau:

- Tính hệ thống
- Tính chính xác
- Tính truyền cảm
- Tính hình tượng
- Tính hàm súc, đa nghĩa
- Tính cá thể hoá

Trong đó, tính chính xác, tính truyền cảm, tính hình tượng là cực kỳ quan trọng. Nói rằng “Văn hoa đã chất chi đối”, “Lời lời châu ngọc, hàng hàng gấm thêu” là như vậy. Kim Trọng khen Kiều khi nàng làm một bài thơ viết lên bức tranh Kim Trọng mới vẽ:

*“Khen tài nhả ngọc phun châu,
Nàng Ban, ả Tạ cũng đâu thế này!”*

Nhà văn sử dụng ngôn từ để xây dựng hình tượng văn học. Vì thế đọc sách hoặc phân tích thơ văn không được thoát li văn bản và ngôn từ

3. Tính chất “phi vật thể” của chất liệu ngôn từ và khả năng diễn tả đặc biệt phong phú của nghệ thuật ngôn từ

- Xem tranh xem ti vi... đã thấy được cụ thể cảnh vật, sự việc biểu hiện. Đọc văn, ta phải tưởng tượng, liên tưởng, suy luận, cảm xúc với tất cả mọi giác quan và tâm hồn, mới hình dung được cảnh vật, sự

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

việc. Điều đó nói lên rằng, ngôn từ mang tính chất “phi vật thể”. Con chữ đầy, câu thơ đầy nhưng không phải ai cũng hiểu và cảm như nhau.

- Ngôn từ có sức mạnh vạn năng, có thể diễn tả sự việc theo dòng chảy lịch sử qua hàng trăm năm, hàng vạn năm trên một không gian hữu hạn hoặc rộng lớn vô hạn.

- Ngôn từ còn có khả năng diễn tả những rung động biến thái của tâm hồn con người.

Thật là kỳ diệu khi Nguyễn Trãi viết:

“Ngư ca tam xứng yên hồ khoát,
Mục đích nhất thanh thiên nguyệt cao!”

(Ức Trai thi tập)

Nếu không hiểu được ngôn từ sao có thể cảm được cái hay của hai câu thơ trên?



Nhà văn và quá trình sáng tạo

1 Vai trò của nhà văn với đời sống văn học

Không có ong mật thì chẳng có mật ong. Và không có hoa thì ong cũng chẳng thể làm ra mật. Không có nhà văn thì không có tác phẩm, tất nhiên cũng không thể có đời sống văn học. Lại còn phải có hiện thực phong phú tạo nguồn sáng tạo cho nhà văn thì mới có thơ văn. Từ muốn mặn, phù sa, hương sắc cuộc đời... nhà văn sống hết mình với hiện thực phong phú ấy may ra mới có tác phẩm văn học.

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

Viết về mối quan hệ giữa nhà văn và đời sống hiện thực, Chế Lan Viên nói:

*“Bài thơ anh, anh làm một nửa mà thôi,
Còn một nửa cho mùa thu làm lấy.
Cái xào xạc, hồn anh chính là xào xạc lá
Nó không là anh, nhưng nó là mùa...”*

(“Sổ tay thơ – Đối thoại mới)

Nhà văn phải khám phá và sáng tạo, không theo đuổi người. Không tô hồng cũng không bôi đen hoặc sao chép hiện thực. Nhà văn cũng không được lặp lại mình. “Văn chương quý bất tùy nhân hậu” (Hoàng Đình Kiên đời Tống).

2 Những nhân tố cần có đối với một nhà văn

Một vạn học sinh đỗ tú tài, sau 5, 6 năm học tập ở đại học có thể đào tạo thành những kỹ sư, bác sĩ... nhưng rất ít hoặc không thể đào tạo thành nhà văn. Có một hiện tượng kỳ lạ là trong xã hội ta ngày nay sao mà nhiều “nhà thơ” thế. Thật ra đó là những “thi sĩ – vè”, “thi sĩ – con cóc”,... Lênin từng nói: “Trong lĩnh vực nghệ thuật, không có chỗ đứng cho kẻ trung bình”. Vậy nhà văn cần những nhân tố gì?

- Phải có năng khiếu, có tài.
- Phải có cái tâm đẹp. (chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài” – Kiều)
- Phải có vốn văn hóa rộng rãi (có học). Học vấn thấp hạn chế chẳng khác nào đất ít màu mỡ, cây kém xanh tươi, hoa trái chẳng ra gì.
- Phải có vốn sống như con ong giữa rừng hoa. Phải sống hết mình.

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

- Phải có một lí tưởng thẩm mĩ cao đẹp: sống và viết vì chủ nghĩa nhân văn.
- Phải có tay nghề cao. Xuân Diệu gọi đó là “bếp núc làm thơ”.
- Ngoài ra còn có một điều kiện khách quan ấy là môi trường sáng tác. Nhà văn phải được sống trong tự do, dân chủ, phải có vật chất tạm đủ (cơm áo không đùa với khách thơ) ...
- Với nhà văn, kiêng kị nhất là thói kiêu ngạo, xu nịnh bợ đỡ... Vì thế văn chương có ngôi thứ: kẻ làm thơ, nhà thơ, thi nhân, thi sĩ, thi hào, đại thi hào. Còn có loại “đẽo câu đục vằn” được ngồi một chiếu riêng. Loại bồi bút thì bị độc giả khinh bỉ.

Trong tập “Văn 10” tập 2 có viết:

“Nhà văn phải có năng khiếu, có vốn văn hóa rộng rãi và có tư tưởng nghệ thuật độc đáo. Nói như thế là đúng nhưng chưa đủ.

3 Quá trình sáng tạo

Lao động nghệ thuật của nhà văn là một thứ lao động đặc biệt. Phải có hứng, nếu không có hoặc chưa có cảm hứng thì chưa thể sáng tác. Mỗi nhà văn có một cách sáng tác riêng. Xuân Diệu làm thơ được “thiết kế” công phu chặt chẽ. Tố Hữu thì “câu thơ trước gọi câu thơ sau”. Hoàng Cầm làm thơ, có thể như có ai đọc chính tả cho chép lại. Ông sáng tác bài: “Lá Diêu Bông” vào quá nửa đêm mùa rét 1959. Khi cả nhà đang ngủ say, ông tỉnh giấc “chợt bên tai vẳng lên một giọng nữ rất nhỏ nhẹ mà rành rọt, đọc chậm rãi, có tiết điệu, nghe như từ thời nào, xa xưa vẳng đến, có lẽ từ tiền kiếp vọng về:

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

“Váy Đình Bảng buông chùng cửa võng...”

(“Về Kinh Bắc”, trang 160 – 161)

Nhà thơ Chế Lan Viên qua đời còn để lại một núi “Phác thảo thơ – di bút”. Đọc hồi kí các nhà văn, nhà thơ danh tiếng, ta ngạc nhiên và vô cùng khâm phục về lao động sáng tạo của họ. Có câu thơ được viết hàng tháng.

Có bài thơ hình thành nhiều năm. Có cuốn tiểu thuyết được sáng tác trong 1/10, 1/5 thế kỷ.

Để có những “thiên cổ hùng văn”, “thiên cổ kì bút”, “Sách gói đầu giường cho thiên hạ” phải là những bậc thiên tài mới sáng tạo nên.

Yêu văn học ta càng yêu kính và biết ơn nhà văn, nhà thơ. Tác phẩm của họ đã làm tâm hồn ta thêm giàu có. Văn chương là cái đẹp muôn đời. Văn chương, văn hiến, văn hóa là niềm tự hào của mỗi quốc gia.

Nhà văn phải là người sống sâu với cuộc đời do đó hết sức nhạy cảm với vấn đề xã hội và những vấn đề ấy thôi thúc khiến nhà văn biến chúng thành cảm hứng. Tuy nhiên để có những tác phẩm lớn người viết cảm phải có những tư tưởng, quan niệm và phải có năng khiếu nghệ thuật đó là sự tưởng tượng và những kĩ năng sáng tạo”.Bình luận ý kiến trên.

Đề văn

Nhà văn phải là người sống sâu với cuộc đời do đó hết sức nhạy cảm với vấn đề xã hội và những vấn đề ấy thôi thúc khiến nhà văn biến chúng thành cảm hứng. Tuy nhiên để có những tác phẩm lớn người viết cảm phải có những tư tưởng, quan niệm và phải có năng khiếu nghệ thuật đó là sự tưởng tượng và những kĩ năng sáng tạo”.Bình luận ý kiến trên.

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

Bài làm

Ý kiến có thể nói đó là một bao quát chung về tất cả mọi hoạt động của nhà văn và họ phải thật sự là một con người với tất cả tình cảm, lí trí, sự tưởng tượng... cho nghề nghiệp của mình!

Chúng ta cần biết rằng “chủ thể sáng tạo” của một tác phẩm phải có thế giới quan và nhân sinh quan, cả hai bổ sung cho nhau, hòa quyện vào nhau để tạo nên cách nhìn. Đó là “đôi mắt tình thương”, là lòng nhân đạo của tác giả về cuộc sống và con người, nó là tư tưởng của tác phẩm: Một Nguyên Hồng nhân đạo đã để lại cho nhân vật Huệ Chi chết – một cái chết thanh thản và đầy đức tin nơi đáng Chúa... Và mỗi nhà văn họ đều nhìn nhân vật của mình một cách khác nhau. Nam Cao nhìn người nông dân có tính hệ thống riêng, ông trân trọng nhân vật của mình và vì vậy ông miêu tả họ với một giọng văn đồng cảm, thương mến: Lão Hạc trong cái đói khổ vẫn không nỡ giết chết con chó thân thương; Chí Phèo trong cái buổi sáng thức dậy không còn là con quỷ dữ của làng Vũ Đại, mà anh Chí giờ đây lại hiền hậu, chân chất với một ước mơ bình dị, của một người lương thiện ngày nào. Và Thị Nở sau khi thấy được tình yêu giữa mình và Chí Phèo, Thị không còn là một con người dở hơi nữa mà là một người phụ nữ với đủ bản năng làm vợ... Trong Đôi mắt Nam Cao đã nhìn người nông dân tuyên truyền đầy chất phác thật thà với bó tre trên vai đã đi ngăn quân thù, ông đã nhìn thấy cái nguyên có đẹp đẽ bên trong của anh nông dân... Nói tóm lại, các nhà văn đều có quan điểm riêng trong cái nhìn của mình và quán triệt quan điểm đó, họ nhìn nhân vật của mình với đầy đủ cái đẹp cái tốt, nhìn với đôi mắt tình thương và nhìn toàn vẹn nhân vật, tóm gọn mọi cái đẹp phía nhân vật chính diện của mình. Đối tượng của văn học là cuộc sống cho nên mỗi nhà văn đều có khả năng chiếm lĩnh một phạm vi đề tài chứ không phải là một nhà văn phải “lấy” tất cả mọi đề tài từ cuộc sống ngồn ngộn, bởi cuộc sống thì muôn màu, muôn vẻ, cả ngàn đề tài về con người đất nước, cuộc sống, tri thức, nông dân... Nếu một nhà văn tự “ôm” hết tất cả mọi đề tài ấy vào trong tác phẩm của mình thì văn chương lúc ấy sẽ sơ sài, sẽ xô

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

bỏ, sẽ mất đi cái chất văn chương mà lúc ấy chỉ còn là một bài phóng sự, một bài báo không hơn không kém! Có thể thấy rằng, Nam Cao quan tâm đến nông dân và trí thức và khi nói về nông dân ông hiểu rất sâu sắc vào vấn đề ấy nên ông đã thật sự tạo nên một tác phẩm văn chương độc đáo: Một Chí Phèo ra đời từ đề tài về người nông dân! Và Vũ Trọng Phụng lấy đề tài từ xã hội tư sản thành thị với mặt trái của nó cho nên một tuyệt tác “văn chương ra đời” – Số đỏ đã đưa ông lên một đỉnh cao của một nhà văn “trào phúng hiện thực”! Nếu Nam Cao đi sâu vào đề tài, khoét sâu vào đề tài thì ngược lại ở thiên tài họ Vũ là khả năng bao quát đề tài – là chiều rộng chứ không phải chiều sâu, là cái “rộng” của những mặt trái của xã hội thành thị lúc ấy. Cho nên ta thường thấy văn chương bị kịch thường sâu, thường đi vào tim của con người để rồi tìm thấy ở đây một giọt nước mắt, một sự “bi” trong số phận của nhân vật, để rồi cảm thông, thương xót nhân vật; còn văn chương trào lộng thì thường lôi bản chất sự vật lên bề nổi để phê phán, để tìm ở đây những tiếng cười chua chát và mỉa mai một xã hội thối nát, một nhân cách đê mạt...

Nhà văn phải là người sống sâu với cuộc đời “tức là nhà văn phải thấu hiểu cả mọi ngõ ngách của cuộc đời, phải tận hiểu mọi cái biến thái từ vật chất đến con người, từ đồ vật đến động vật, từ tâm lý đến tình cảm...Nói chung nhà văn phải thật sự “sống” cuộc sống mà tác phẩm cần viết, nhà văn phải hòa nhập vào “cuộc đời” của tác phẩm – mà cuộc sống đã ban phát. Nam Cao thường nắm bắt bản chất sự việc cho nên cốt truyện hiện thực không rắc rối nhưng tình huống trong đời sống nội tâm rất căng thẳng, bởi vì Nam Cao thường là “sống sâu” đi sâu vào cuộc sống của nông dân, thường khoét sâu vào những nỗi đau của những con người bần cùng của xã hội, cho nên văn chương của ông bắt người đọc phải suy ngẫm rất nhiều, rất nhiều...và cũng bởi vì sống sâu cho nên họ Vũ đã phát hiện ra sự tha hóa của bọn thượng lưu. Bọn chúng bịa ra một thằng Xuân tóc đỏ rồi đi tin nó và đã để cho nó ngồi lên, chà lên mặt của nhiều người. Khi đã sống sâu với cuộc sống thì đời nhà văn “hết sức nhạy cảm với vấn đề xã hội”, bởi vì xã hội là một quan hệ phong phú và

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

đa dạng của người với người cho nên vấn đề xã hội nó có ý nghĩa phổ quát và văn chương bây giờ vượt lên giới hạn của nó. Nam Cao sống với cuộc sống của người nông dân cho nên ông rất “nhạy” với sự cùng cực của người nông dân. Nam Cao đã cho chúng ta thấy không chỉ là một người nông dân trong nghĩa hẹp mà nó bao quát đủ cả mọi lớp người cùng cực trong xã hội. Có thể nói cái “phổ quát” là ở đây! “Những vấn đề ấy thôi thúc khiến nhà văn biến chúng thành cảm hứng”, cái cảm hứng mà như Nam Cao mong muốn: “khơi những nguồn chưa ai khơi...” cái cảm hứng đó có thể là sự bất chợt cần nắm bắt ngay, chẳng hạn là một bài thơ về một bông hoa hải đường; cái cảm hứng đó cũng có thể là sự suy ngẫm trong suốt một đời người, chẳng hạn tác phẩm “Những người khốn khổ” của Victor Hugo phải viết ba mươi năm. Phaoxt-Gớt sáng tác dường như suốt một đời người và cũng như Nguyễn Đình Thi viết Đất nước một chủ đề bắt ông phải suy ngẫm trong mấy năm trời! Cái cảm hứng ấy hòa nhập cả hai mặt tình cảm và lí trí: Đó chính là hiện thực ngoài đời và hiện thực tâm trạng, cả hai hòa nhập, đan xen vào nhau để tạo nên cảm hứng đặc biệt cho nhà văn và gián tiếp cho cả tác phẩm văn chương ấy. Nhà văn thấy số phận của nhân vật giống như chính số phận của mình, thấy sự đau khổ của nhân vật và mình giống nhau, hoặc nhà văn thấy sự bức rút của nhân vật chính là nỗi đau dai dẳng ở mình thì lúc ấy chính là sự đồng điệu, lúc ấy tình cảm và lí trí của tác giả hòa nhập vào nhau và nó tạo thành một cảm hứng thực sự độc đáo, nó gây phấn khích cho nhà văn sáng tạo. Tuy nhiên để có những tác phẩm lớn, người viết cần phải có những tư tưởng, quan niệm. Những tư tưởng, quan niệm ấy nó như là một sự “tiên quyết” cho sự trường tồn của chính tác phẩm ấy. Cho nên, chúng ta thường thấy đôi lúc tư tưởng quan niệm được phát biểu một cách trực tiếp, “Chao ôi, nghệ thuật không cần phải là ánh trăng lừa dối, không nên là ánh trăng lừa dối; nghệ thuật chỉ có thể là tiếng đau khổ kia, thoát ra từ những kiếp lầm than...” (Nam Cao) và đôi lúc tư tưởng quan niệm ấy được phát biểu một cách gián tiếp có thể thấy tác phẩm: “Ông già và biển cả” là một trường dụ. Sự chiến thắng nhưng ý nghĩa thực là một thất bại: - Con

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

người có thể chinh phục được thế giới bên ngoài nhưng không vượt qua được chính mình: Thế giới bên trong có thể phong phú hơn, mạnh mẽ hơn, nắm bắt được bản ngã biết đâu con người lại hạnh phúc hơn! Nhưng tác phẩm ấy cũng chính để nói lên cái suy nghĩ của nhà văn với cuộc kiếm tìm vất vả và tư tưởng, chủ đề tác phẩm của mình. Cuộc kiếm tìm ấy bằng chính mồ hôi, nước mắt, bằng máu và cả lòng dũng cảm.

Và để có những tác phẩm lớn, người viết cần phải có năng khiếu nghệ thuật, đó là sự tưởng tượng và những kỹ năng sáng tạo. Cho nên để hiểu rằng không phải ai cũng ngẫu nhiên sẽ trở thành một nhà văn, mà nó đòi hỏi ở người muốn làm nhà văn có một năng khiếu riêng - năng khiếu nghệ thuật! Chuyện văn chương quả là không dễ, cũng như là một bọc trăm trứng của Âu Cơ - thì chỉ có một Nguyễn Du, Nguyễn Du là quả trứng “lép” ấy (Chế Lan Viên đã viết về Nguyễn Du : “Trong trăm trứng Âu Cơ anh là trứng lép. Anh nở ra thành một thi nhân”). Năng khiếu nghệ thuật đó chính là sự tưởng tượng và những kỹ năng sáng tạo của nhà văn. Vi hành là chuyện thật hay bịa? Chỉ có một bộ óc tưởng tượng thông minh sắc sảo mới có thể viết lên, vẽ lên một đôi trai gái trên chuyến tàu Pháp như vậy, họ nói chuyện với nhau về một người khác địa vị, khác màu da... Có thể nói Vi hành là một ví dụ hết sức độc đáo về sức tưởng tượng phong phú tuyệt đỉnh của Nguyễn ái Quốc và bên cạnh sự tưởng tượng ấy là sự sáng tạo cụ thể trong văn chương có thể nói đó là “kỹ năng sáng tạo” trong chuyện “bếp núc” của nhà văn, đó là sự khó nhọc của người viết, để có một sự độc đáo riêng, một phong cách riêng cho chính mình. Huy Cận đã phải rất cực nhọc, nhẩn nại trong việc chọn các hình ảnh cho câu thơ của mình:

Củ một cành khô lạc mấy dòng

Tác giả đã từng thử bút bằng các hình ảnh: “Cánh bèo trôi, cánh bèo đơn”, “chút bèo đơn”, “gót bèo xanh”, “gỗ lạc rừng xa”, “củ một cành xuôi” và cuối cùng đã chọn hình ảnh “củ một cành khô”. Đó là một hình ảnh rất độc đáo của một Huy Cận, cho người đọc một hình tượng mới lạ, sắc sảo, gợi nên một cuộc đời khô héo trôi nổi, dằn vặt trong lòng người đọc...

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

Nói tóm lại, làm một nhà văn không phải là một chuyện dễ dàng bởi vì ở họ không chỉ hội tụ sự khẳng định về nhân cách bản chất thẩm mỹ của cuộc sống, của con người mà họ còn phải nắm bắt được sự trọn vẹn phong phú, đa dạng của tâm hồn con người trước cuộc sống. Và vì thế, cho nên họ luôn phải sống sâu để cảm nhận được hết cả mọi sự “phong phú đa dạng” ấy. Bên cạnh đó họ phải là một con người “lớn” và rành rọt tất cả chuyện “bếp núc” của văn chương: Đó chính là cái năng khiếu nghệ thuật riêng của một nhà văn – bởi vì nó cũng chính là một nhân tố quyết định cho “hơi thở”, sức sống của một tác phẩm vĩ đại, của một nhà văn vĩ đại!.

Lê Quý Đôn cho rằng “Thơ phát khởi từ trong lòng người ta” còn Ngô Thì Nhậm thì nhấn mạnh : “Hãy xúc động hồn thơ cho ngọn bút có thần”. Từ ý kiến trên, hãy nêu vai trò quan trọng của tình cảm trong thơ.

BÀI LÀM

Sáng tạo nghệ thuật quả là một công trình đầy khó khăn, phức tạp, không phải ai muốn cũng làm được. Một nhà văn, muốn sáng tác một tác phẩm ahy , tồn tại mãi với thời gian, thì ngoài sự hiểu biết rộng rãi, tài năng bẩm sinh, còn phải có một tấm lòng quảng đại, bao dung, phải biết trải qua đau khổ, cay đắng trong cuộc đời thì mới thấu hiểu được những nỗi đau của người khác, phải có cảm xúc thật sự tự đáy lòng mình, thì mới sáng tác được. Và nhà thơ cũng vậy. “Thơ là tiếng nói của trái tim”, một ki đã nói đến “trái tim” tức là đề cập đến tình cảm. Muốn sáng tác tiếp được bài thơ, Lê Quý Đôn cho rằng: “Thơ phát khởi từ trong lòng người ta” và Ngô Thì Nhậm cũng đã nhấn mạnh : “Hãy xúc động hồn thơ cho ngọn bút có thần”. Vậy chúng ta thử tìm hiểu xem sao?

Thường thì khi nói đến thơ là người ta muốn nhấn mạnh đến vai trò tình cảm của thơ. Nó là một trong những yếu tố cơ bản trong quá trình sáng tác thơ. Bởi lẽ thơ là sự giao cảm tâm hồn giữa con người với nhau, cho nên không phải ngẫu nhiên mà Lê Quý Đôn cho rằng : “thơ

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

phát khởi từ trong lòng người ta”.

Con người làm thơ để làm gì? Thường thì khi người ta làm thơ khi có nhu cầu bộc lộ tình cảm, muốn bày tỏ tình cảm tâm tư, tình cảm của mình để người khác có thể thông cảm và hiểu được phần nào của mình. Thơ là thể loại trữ tình, cho nên khi sáng tác, nhà nghệ sĩ phải có những rung động thật sự trước cuộc sống, trước cái đẹp. Nhà họa sĩ muốn tạo một bức tranh hoàn hảo, không phải trong một phút, một giây, một khoảnh khắc mà có thể làm được, có khi cả mấy tháng ngồi vẽ hoài mà cũng vẫn không làm được. Có khi chỉ cần một chút gì đó làm rung động thì cảm hứng vọt trào và tất nhiên sẽ tạo ra một bức tranh thật đẹp.

Nếu không có rung động, không có cảm xúc thì sẽ không thể nào tạo nên một bài thơ, mà có được thì thơ chỉ có xác, không có hồn. Chính vì thế mà Ngô Thì Nhậm đã nói “Hãy xúc động hồn thơ cho ngọn bút có thần”. Băn hãy để tự “nàng thơ” tìm đến mình, chứ đừng có đi van cầu, gõ cửa “nàng” sẽ không tiếp đâu.

Khi đọc một bài thơ, trước mắt bạn không chỉ hiện ra khung cảnh thiên nhiên, cuộc sống với những buồn vui lẫn lộn mà qua đó bạn sẽ thấy được đôi điều về tâm sự của tác giả. Đó chính là những tâm sự, suy nghĩ, những nỗi niềm của chính tác giả. Bài thơ bao gồm nhiều yếu tố tạo thành, có những chất liệu được khai thác trực tiếp từ hiện thực cuộc sống, có những suy nghĩ được nâng lên thành triết lý, có phần cảm xúc và có tình cảm. Tuy nhiên, tình cảm - chủ thể trữ tình, vẫn là vấn đề cốt lõi trong thơ. Nếu không có tình cảm, tình thương đồng loại thì Nguyễn Du đâu thể nào thốt ra được những lời thơ giàu cảm xúc nhân đạo như:

Thương thay cũng một kiếp người
Hại thay mang lấy sắc tài làm chi
Những là oan khổ lưu ly
Chờ cho hết kiếp còn gì là thân

Nếu không có tình yêu đối với non sông đất nước, thì Chế Lan Viên đâu có được những câu thơ rạo rực khi viết về Tổ Quốc

Ôi Tổ quốc, ta yêu như máu thịt
Như mẹ cha ta, như vợ như chồng

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

Ôi Tổ quốc, nếu cần ta chết
Cho mỗi ngôi nhà, ngọn núi, con sông...

Cũng như Bác Hồ kính yêu của chúng ta, nếu không có sự đồng cảm mãnh liệt và tâm hồn quảng đại, thì đâu thể nào nghe được âm thanh của đứa bé trong nhà lao đang khóc, vì :

Cha trốn không đi lính nước nhà
Nên nỗi thân em vừa nửa tuổi
Phải theo mẹ đến ở nhà pha

Và nếu có sự đồng cảm ấy thì chắc hẳn Bác không thể nào thấy được cái cảnh mà tưởng chừng như không ai để ý trong chốn lao tù:

Anh đứng trong cửa sắt
Em đứng ngoài cửa sắt
Gần nhau trong tác gang
Mà biển trời cách mặt
Miệng nói chẳng nên lời

Họ gần nhau như lại không thể nào tâm sự, nói chuyện cùng nhau, và thật cảm động thay trước tấm chân tình của Bác khi Bác chợt nhận ra, họ tâm sự bằng mắt:

Nói lên bằng khoé mắt
Chưa nói, lệ tuôn đầy
Tình cảnh thật đáng thương

Nói đến thơ là nói lên sự đồng cảm của nhà thơ đối với cái đẹp, với con người trong cuộc sống quanh mình. Mà hẳn nói đến sự đồng cảm là nói đến góc thiện cảm tình cảm, hiểu theo cách khác; đó chính là tấm lòng nhân dân là cái “tâm” của nhà thơ. Vì sao mà thơ của Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Trần Tế Xương, Nguyễn Khuyến, Hồ Chí Minh... cứ sống mãi trong lòng mọi người, sống mãi với thời gian? Phải chăng các bậc tiền nhân ấy là những người có tài sáng tác thơ hay? Có lẽ điều đó chỉ đúng một phần. Lê Quý Đôn cho rằng : “Thơ phát khởi từ trong lòng ta”. Nếu lòng ta trở lạnh thì làm sao có thơ hay? Điều đó giải thích vì sao Nguyễn Du nói :

Thiện căn ở lại lòng ta

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.

Nhà thơ, trước hết phải có cái tâm, phải có một tấm lòng đôn hậu, biết quý trọng, thông cảm, san sẻ những nỗi đau của người khác. Không có chữ Tâm thì cái tài kia cũng trở nên vô dụng. Mở rộng vấn đề, ta thấy mỗi nhà văn, nhà thơ một khi đã cầm bút thì phải có trách nhiệm, trách nhiệm với xã hội, với người tiếp xúc với tác phẩm của mình.

Nhìn chung trong sáng tác thơ, các tác giả đều chú trọng đề cập đến cái gốc tình cảm, phía có “cái gốc tình cảm của thơ” thì thơ mới đi vào lòng người được. Tố Hữu đã có lần nhấn mạnh “Thơ là nhịp điệu hồn đi tìm những hồn đồng điệu, thơ là tiếng nói đồng ý, đồng tình, tiếng nói đồng chí...” Rõ ràng quan niệm về thơ của Lê Quý Đôn và Ngô Thì Nhậm cho đến nay vẫn mang một ý nghĩa nhất định với công việc sáng tác thơ văn.

SU SANG TAO CUA NHA VAN

Bài làm

Ý kiến có thể nói đó là một bao quát chung về tất cả mọi hoạt động của nhà văn và họ phải thật sự là một con người với tất cả tình cảm, lí trí, sự tưởng tượng... cho nghề nghiệp của mình!

Chúng ta cần biết rằng “chủ thể sáng tạo” của một tác phẩm phải có thế giới quan và nhân sinh quan, cả hai bổ sung cho nhau, hòa quyện vào nhau để tạo nên cách nhìn. Đó là “đôi mắt tình thương”, là lòng nhân đạo của tác giả về cuộc sống và con người, nó là tư tưởng của tác phẩm: Một Nguyên Hồng nhân đạo đã để lại cho nhân vật Huệ Chi chết – một cái chết thanh thản và đầy đức tin nơi đáng Chúa... Và mỗi nhà văn họ đều nhìn nhân vật của mình một cách khác nhau. Nam Cao nhìn người nông dân có tính hệ thống riêng, ông trân trọng nhân vật của mình và vì vậy ông miêu tả họ với một giọng văn đồng cảm, thương mến: Lão Hạc trong cái đói khổ vẫn không nỡ giết chết con chó thân thương; Chí Phèo trong cái buổi sáng thức dậy không còn là con quỷ dữ của làng Vũ Đại, mà anh Chí giờ đây lại hiền hậu, chân chất với một ước mơ bình dị, của

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

một người lương thiện ngày nào. Và Thị Nở sau khi thấy được tình yêu giữa mình và Chí Phèo, Thị không còn là một con người dở hơi nữa mà là một người phụ nữ với đủ bản năng làm vợ... Trong Đôi mắt Nam Cao đã nhìn người nông dân tuyên truyền đầy chất phác thật thà với bó tre trên vai đã đi ngăn quân thù, ông đã nhìn thấy cái nguyên có đẹp đẽ bên trong của anh nông dân... Nói tóm lại, các nhà văn đều có quan điểm riêng trong cái nhìn của mình và quán triệt quan điểm đó, họ nhìn nhân vật của mình với đầy đủ cái đẹp cái tốt, nhìn với đôi mắt tình thương và nhìn toàn vẹn nhân vật, tóm gọn mọi cái đẹp phía nhân vật chính diện của mình. Đối tượng của văn học là cuộc sống cho nên mỗi nhà văn đều có khả năng chiếm lĩnh một phạm vi đề tài chứ không phải là một nhà văn phải “lấy” tất cả mọi đề tài từ cuộc sống ngồn ngộn, bởi cuộc sống thì muôn màu, muôn vẻ, cả ngàn đề tài về con người đất nước, cuộc sống, tri thức, nông dân... Nếu một nhà văn tự “ôm” hết tất cả mọi đề tài ấy vào trong tác phẩm của mình thì văn chương lúc ấy sẽ sơ sài, sẽ xô bồ, sẽ mất đi cái chất văn chương mà lúc ấy chỉ còn là một bài phóng sự, một bài báo không hơn không kém! Có thể thấy rằng, Nam Cao quan tâm đến nông dân và trí thức và khi nói về nông dân ông hiểu rất sâu sắc vào vấn đề ấy nên ông đã thật sự tạo nên một tác phẩm văn chương độc đáo: Một Chí Phèo ra đời từ đề tài về người nông dân! Và Vũ Trọng Phụng lấy đề tài từ xã hội tư sản thành thị với mặt trái của nó cho nên một tuyệt tác “văn chương ra đời” – Số đỏ đã đưa ông lên một đỉnh cao của một nhà văn “trào phúng hiện thực”! Nếu Nam Cao đi sâu vào đề tài, khoét sâu vào đề tài thì ngược lại ở thiên tài họ Vũ là khả năng bao quát đề tài – là chiều rộng chứ không phải chiều sâu, là cái “rộng” của những mặt trái của xã hội thành thị lúc ấy. Cho nên ta thường thấy văn chương bi kịch thường sâu, thường đi vào tim của con người để rồi tìm thấy ở đây một giọt nước mắt, một sự “bi” trong số phận của nhân vật, để rồi cảm thông, thương xót nhân vật; còn văn chương trào lộng thì thường lôi bản chất sự vật lên bề nổi để phê phán, để tìm ở đây những tiếng cười chua chát và mỉa mai một xã hội thối nát, một nhân cách đê mạt...

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

Nhà văn phải là người sống sâu với cuộc đời “tức là nhà văn phải thấu hiểu cả mọi ngõ ngách của cuộc đời, phải tận hiểu mọi cái biến thái từ vật chất đến con người, từ đồ vật đến động vật, từ tâm lí đến tình cảm...Nói chung nhà văn phải thật sự “sống” cuộc sống mà tác phẩm cần viết, nhà văn phải hòa nhập vào “cuộc đời” của tác phẩm – mà cuộc sống đã ban phát. Nam Cao thường nắm bắt bản chất sự việc cho nên cốt truyện hiện thực không rắc rối nhưng tình huống trong đời sống nội tâm rất căng thẳng, bởi vì Nam Cao thường là “sống sâu” đi sâu vào cuộc sống của nông dân, thường khoét sâu vào những nỗi đau của những con người bần cùng của xã hội, cho nên văn chương của ông bắt người đọc phải suy ngẫm rất nhiều, rất nhiều...và cũng bởi vì sống sâu cho nên họ Vũ đã phát hiện ra sự tha hóa của bọn thượng lưu. Bọn chúng bịa ra một thằng Xuân tóc đỏ rồi đi tin nó và đã để cho nó ngồi lên, chà lên mặt của nhiều người. Khi đã sống sâu với cuộc sống thì đời nhà văn “hết sức nhạy cảm với vấn đề xã hội”, bởi vì xã hội là một quan hệ phong phú và đa dạng của người với người cho nên vấn đề xã hội nó có ý nghĩa phổ quát và văn chương bây giờ vượt lên giới hạn của nó. Nam Cao sống với cuộc sống của người nông dân cho nên ông rất “nhạy” với sự cùng cực của người nông dân. Nam Cao đã cho chúng ta thấy không chỉ là một người nông dân trong nghĩa hẹp mà nó bao quát đủ cả mọi lớp người cùng cực trong xã hội. Có thể nói cái “phổ quát” là ở đây! “Những vấn đề ấy thôi thúc khiến nhà văn biến chúng thành cảm hứng”, cái cảm hứng mà như Nam Cao mong muốn: “khơi những nguồn chưa ai khơi...” cái cảm hứng đó có thể là sự bất chợt cần nắm bắt ngay, chẳng hạn là một bài thơ về một bông hoa hải đường; cái cảm hứng đó cũng có thể là sự suy ngẫm trong suốt một đời người, chẳng hạn tác phẩm “Những người khốn khổ” của Victor Hugo phải viết ba mươi năm. Phaoxt-Gót sáng tác dường như suốt một đời người và cũng như Nguyễn Đình Thi viết Đất nước một chủ đề bất ông phải suy ngẫm trong mấy năm trời! Cái cảm hứng ấy hòa nhập cả hai mặt tình cảm và lí trí: Đó chính là hiện thực ngoài đời và hiện thực tâm trạng, cả hai hòa nhập, đan xen vào nhau để tạo nên cảm hứng đặc biệt cho nhà văn và gián tiếp cho cả tác

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

phẩm văn chương ấy. Nhà văn thấy số phận của nhân vật giống như chính số phận của mình, thấy sự đau khổ của nhân vật và mình giống nhau, hoặc nhà văn thấy sự bút rút của nhân vật chính là nỗi đau dai dẳng ở mình thì lúc ấy chính là sự đồng điệu, lúc ấy tình cảm và lí trí của tác giả hòa nhập vào nhau và nó tạo thành một cảm hứng thực sự độc đáo, nó gây phấn khích cho nhà văn sáng tạo. Tuy nhiên để có những tác phẩm lớn, người viết cần phải có những tư tưởng, quan niệm. Những tư tưởng, quan niệm ấy nó như là một sự “tiên quyết” cho sự trường tồn của chính tác phẩm ấy. Cho nên, chúng ta thường thấy đôi lúc tư tưởng quan niệm được phát biểu một cách trực tiếp, “Chao ôi, nghệ thuật không cần phải là ánh trăng lừa dối, không nên là ánh trăng lừa dối; nghệ thuật chỉ có thể là tiếng đau khổ kia, thoát ra từ những kiếp lầm than...” (Nam Cao) và đôi lúc tư tưởng quan niệm ấy được phát biểu một cách gián tiếp có thể thấy tác phẩm: “Ông già và biển cả” là một trường dụ. Sự chiến thắng nhưng ý nghĩa thực là một thất bại: - Con người có thể chinh phục được thế giới bên ngoài nhưng không vượt qua được chính mình: Thế giới bên trong có thể phong phú hơn, mạnh mẽ hơn, nắm bắt được bản ngã biết đâu con người lại hạnh phúc hơn! Nhưng tác phẩm ấy cũng chính để nói lên cái suy nghĩ của nhà văn với cuộc kiếm tìm vật vả và tư tưởng, chủ đề tác phẩm của mình. Cuộc kiếm tìm ấy bằng chính mồ hôi, nước mắt, bằng máu và cả lòng dũng cảm.

Và để có những tác phẩm lớn, người viết cần phải có năng khiếu nghệ thuật, đó là sự tưởng tượng và những kĩ năng sáng tạo. Cho nên để hiểu rằng không phải ai cũng ngẫu nhiên sẽ trở thành một nhà văn, mà nó đòi hỏi ở người muốn làm nhà văn có một năng khiếu riêng - năng khiếu nghệ thuật! Chuyện văn chương quả là không dễ, cũng như là một bọc trăm trứng của Âu Cơ - thì chỉ có một Nguyễn Du, Nguyễn Du là quả trứng “lép” ấy (Chế Lan Viên đã viết về Nguyễn Du : “Trong trăm trứng Âu Cơ anh là trứng lép. Anh nở ra thành một thi nhân”). Năng khiếu nghệ thuật đó chính là sự tưởng tượng và những kĩ năng sáng tạo của nhà văn. Vi hành là chuyện thật hay bịa? Chỉ có một bộ óc tưởng tượng thông minh sắc sảo mới có thể viết lên, vẽ lên một đôi trai gái trên

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

chuyến tàu Pháp như vậy, họ nói chuyện với nhau về một người khác địa vị, khác màu da...Có thể nói Vi hành là một ví dụ hết sức độc đáo về sức tưởng tượng phong phú tuyệt đỉnh của Nguyễn ái Quốc và bên cạnh sự tưởng tượng ấy là sự sáng tạo cụ thể trong văn chương có thể nói đó là “kĩ năng sáng tạo” trong chuyện “bếp núc” của nhà văn, đó là sự khó nhọc của người viết, để có một sự độc đáo riêng, một phong cách riêng cho chính mình. Huy Cận đã phải rất cực nhọc, nhẩn nại trong việc chọn các hình ảnh cho câu thơ của mình:

Củ một cành khô lạc mấy dòng

Tác giả đã từng thử bút bằng các hình ảnh: “Cánh bèo trôi, cánh bèo đơn”, “chút bèo đơn”, “gót bèo xanh”, “gỗ lạc rừng xa”, “củ một cành xuôi” và cuối cùng đã chọn hình ảnh “củ một cành khô”. Đó là một hình ảnh rất độc đáo của một Huy Cận, cho người đọc một hình tượng mới lạ, sắc sảo, gợi nên một cuộc đời khô héo trôi nổi, dằn vặt trong lòng người đọc...

Nói tóm lại, làm một nhà văn không phải là một chuyện dễ dàng bởi vì ở họ không chỉ hội tụ sự khẳng định về nhân cách bản chất thẩm mỹ của cuộc sống, của con người mà họ còn phải nắm bắt được sự trọn vẹn phong phú, đa dạng của tâm hồn con người trước cuộc sống. Và vì thế, cho nên họ luôn phải sống sâu để cảm nhận được hết cả mọi sự “phong phú đa dạng” ấy. Bên cạnh đó họ phải là một con người “lớn” và rành rọt tất cả chuyện “bếp núc” của văn chương: Đó chính là cái năng khiếu nghệ thuật riêng của một nhà văn – bởi vì nó cũng chính là một nhân tố quyết định cho “hơi thở”, sức sống của một tác phẩm vĩ đại, của một nhà văn vĩ đại!.

Đặc điểm, bản chất của phân tích văn học

a- Tác phẩm thơ, văn đích thực là đẹp và hay

Phân tích văn học là phân tích cái hay, cái đẹp – cái hay, cái đẹp

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

của tư tưởng, cái hay, cái đẹp của ngôn ngữ nghệ thuật mà người viết cảm nhận được: trên cơ sở đó mà đánh giá tác phẩm văn học.

b- Một tác phẩm văn học (một bài thơ, bài văn...) mà không hay thì có gì mà phân tích?

Một bài văn phân tích văn học nếu chỉ mới dừng lại được ở mức độ phân tích giá trị tư tưởng của tác phẩm văn học thì chưa đạt yêu cầu: cách phân tích đó mang tính xã hội học đơn giản.

c- Nội dung tư tưởng tình cảm của tác phẩm văn học?

Lúc nào cũng vậy, nó được thể hiện bằng một hình thức nghệ thuật nhất định, bằng một ngôn ngữ văn chương nhất định, cho nên phải bám sát văn bản ngôn từ, kết hợp một các nhuần nhuyễn phân tích nội dung tư tưởng với phân tích nghệ thuật, để chỉ ra cái hay, cái đẹp mà đánh giá tác phẩm.

d- Phải căn cứ vào ngôn ngữ và thể loại văn học để phân tích tác phẩm.

Những bài thơ dịch (thơ chữ Hán, thơ Pháp, thơ Nga...) nếu chỉ biết bám vào bản dịch để “tán” thì đó là một việc làm thô lậu, đơn giản, thiếu căn cứ. Phải đối chiếu với bản phiên âm, bản dịch nghĩa để phân tích thì mới hợp lý. Phân tích một truyền cổ, phân tích một bài hịch, một bài cáo, bài phú, bài văn tế, một bài hát nói, một bài thơ Đường luật... cần chú ý đến thể loại, đến đặc trưng ngôn ngữ, đến thi pháp, đến màu sắc cổ kính, cổ điển của nó, và có một quan điểm lịch sử đúng đắn. Nếu cứ phân tích như một bài văn, bài thơ hiện đại thì còn nghĩa lý gì? Đã có người phân tích bài “Văn tế Trương Quỳnh Như” của Phạm Thái như

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

phân tích một bài thơ tình hiện đại (1). Có hiện tượng đó vì người viết ít quan tâm đến thể loại và tính lịch sử của tác phẩm văn học.

e- Một bài văn phân tích tác phẩm văn học của học sinh làm trên lớp, làm trong phòng thi không phải là một bài giảng văn

Làm văn nhà trường có tính quy phạm chặt chẽ. Từ những kiến thức học được trong giờ giảng văn, học sinh phải trở thành con ong hút nhụy hoa làm ra mật, con tằm ăn lá dâu làm ra kén, nhả ra tơ. Nếu nhà phê bình văn học chỉ viết vài dòng, vài đoạn ngắn chỉ ra cái “thần”, cái “hồn” của một áng thư văn thì người học sinh phải “sơ tóc chẻ làm tư”, phân tích chi tiết, tỉ mỉ, để có một bài văn dài 6, 7 trang... chữ viết nắn nót, trình bày sáng sủa, trang trọng.

Các thành phần cấu tạo của nền văn học Việt Nam

1. Nền Văn học dân gian ra đời từ thời viễn cổ và tiếp tục phát triển về sau này. Tính nhân dân, tính dân tộc của nó từ nội dung tới hình thức có tác dụng sâu sắc đến sự hình thành và phát triển của nền văn học viết.

2. Văn học viết ra đời vào khoảng thế kỷ thứ 10 (?) gồm có 3 bộ phận: Văn học viết bằng chữ Hán, Văn học viết bằng chữ Nôm và Văn học viết bằng chữ quốc ngữ. Ba bộ phận văn học ấy nối tiếp, kế thừa và phát triển cho thấy tinh thần sáng tạo, ý trí tự lập tự cường và sức mạnh Việt Nam vô cùng to lớn.

3. Văn học dân gian là cội nguồn của nền văn học dân tộc. Hai thành phần Văn học viết và Văn học dân gian luôn luôn tác động qua lại, hội tụ và kết tinh ở những thiên tài văn chương như Nguyễn Trãi, Nguyễn Du,

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

Hồ Xuân Hương, v.v...

Các thời kỳ phát triển

Có thể chia làm 3 thời kỳ lớn:

1. Thời kỳ từ thế kỷ thứ X đến thế kỷ XIX: Thơ văn Hán - Nôm.
2. Thời kỳ từ thế kỷ thứ XX đến năm 1945: Thơ văn Hán Nôm - thơ văn quốc ngữ.
3. Thời kỳ từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến nay: thơ văn quốc ngữ mang nội dung cách mạng, kháng chiến, yêu nước và tiến bộ.

Mấy nét đặc sắc truyền thống của văn học Việt Nam

1. Truyền thống yêu nước và tinh thần tự hào dân tộc
2. Tình nhân ái.
3. Thơ ca có một truyền thống lâu đời phát triển mạnh. Có nhiều kiệt tác. Văn xuôi phát triển chậm: từ 1930 trở đi mới phát triển nhanh vọt, tiến lên hiện đại hoá.
 - Tác phẩm văn học là sáng tác cụ thể, văn bản ngôn ngữ hoàn chỉnh, vừa có ý nghĩa vừa có tính thẩm mỹ.
 - Một bài ca dao hai câu, một bài thơ tứ tuyệt, một truyện ngụ ngôn nửa trang, một truyện ngắn mi-ni, bộ Tam quốc chí,... đều là tác phẩm văn học.

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

Thế giới hình tượng của tác phẩm văn học

1. Khái niệm:

Thế giới hình tượng là hệ thống các hình tượng được dệt nên bởi các chi tiết, tình tiết, quan hệ,... cho phép ta hình dung được sự hiểu biết và cảm nhận của tác giả đối với thế giới và con người.

- Chú ý: Cần phân biệt các khái niệm: hình ảnh, ngôn ngữ hình tượng, thế giới hình tượng.

2. Ví dụ:

Trong ca dao, thuyền và bến; trong thơ Xuân Diệu, bài Biển thì sóng và bờ, trong bài Thuyền và biển, Sóng của Xuân Quỳnh thì thuyền, biển - là cặp hình tượng nói về tình yêu lứa đôi.

Các lớp nội dung của tác phẩm văn học

Đề tài, chủ đề, cảm hứng, nội dung triết lý, sắc điệu thẩm mỹ - là năm lớp nội dung của tác phẩm văn học.

1. Đề tài:

- Đề tài là hiện tượng đời sống được thể hiện qua miêu tả.
- Ví dụ: “Lão Hạc”, “Chí Phèo”, “Tắt đèn”,... viết về đề tài nông dân.

2. Chủ đề:

- Chủ đề là vấn đề chính, vấn đề chủ yếu mà tác phẩm muốn nêu lên qua một hiện tượng đời sống.

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

- Ví dụ: Chủ đề truyện “Đời thừa” là bi kịch tinh thần của người trí thức nghèo trong xã hội thực dân phong kiến.

3. Cảm hứng:

- Cảm hứng “là nội dung tình cảm của tác phẩm”
- Ví dụ, bài thơ “Chiều hôm nhớ nhà” của Bà Huyện Thanh Quan, cảm hứng chủ đạo là nỗi buồn cô đơn, lạnh lẽo và nỗi buồn nhớ nhà của người lữ khách.

4. Nội dung triết lý:

- Quan niệm về thế giới, quan niệm về con người là nội dung triết lý của tác phẩm văn học.
- Ví dụ, nội dung triết lý của truyện ngắn “Đời thừa” là gì?
- + Là khoái cảm của văn chương “dẫu ăn một món ăn ngon đến đâu cũng không thích bằng”
- + Là nghề văn tuy nghèo mà sang trọng: “Tuy khổ thì khổ thật, nhưng thử có người giàu bạc vạn nào thuận đổi lấy cái địa vị của tôi (Hộ), chưa chắc tôi đã đổi”.
- + Là quan niệm về kẻ mạnh: “Kẻ mạnh chính là kẻ giúp đỡ kẻ khác trên đôi vai mình”.

5. Sắc điệu thẩm mỹ của tác phẩm là vẻ đẹp chủ yếu tương ứng với cảm hứng và chủ đề tác phẩm.

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

- Ta thường nói: “Lời lời châu ngọc, hàng hàng gấm thêu” là một cách đánh giá sắc điệu thẩm mỹ của tác phẩm văn học.
- Nói về sắc điệu thẩm mỹ trong “Nhật ký trong tù”, Hoàng Trung Thông viết:

*“Văn thơ của Bác văn thơ thép
Mà vẫn mềm mại không chút ngắt tình”.*

Thể loại văn học và sự phân loại tác phẩm văn học

1. Khái niệm về thể loại văn học:

- Thể loại văn học là phương thức tái hiện đời sống và thể thức cấu tạo văn bản.
- Ví dụ, cùng viết về đề tài người mẹ trong chiến tranh, Tố Hữu viết về người mẹ ở hậu phương qua tâm hồn người lính bằng thơ lục bát trữ

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

tình (Bầm ơi). Con Nguyễn Thi lại viết về một người mẹ, người vợ cụ thể - chị Út Tịch - đang cùng chồng và đồng bào quê hương cầm súng đánh giặc - bằng thể ký: “Người mẹ cầm súng”.

2. Sự phân loại tác phẩm văn học:

- Phân loại tác phẩm văn học, chủ yếu theo ba tiêu chí sau:

+ Phương thức tái hiện đời sống, cấu tạo tác phẩm.

+ Loại đề tài, chủ đề.

+ Thể văn.

- Thể loại tác phẩm văn học gồm có:

+ Tự sự.

+ Trữ tình.

+ Kịch.

Thể loại - thể văn

1. Tự sự (kể và tả...), gồm có:

- Truyện đời xưa: thần thoại, truyền thuyết, cổ tích, truyện cười, truyện ngụ ngôn, truyện nôm (thơ).

- Truyện ngắn, truyện vừa, truyện dài (tiểu thuyết)

- Phóng sự, ký sự, bút ký,...

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

2. Trữ tình: (tả tâm trạng, cô đúc, giọng điệu, vần điệu,...)

- Ca dao trữ tình, thơ trữ tình, thơ trào phúng.
- Các khúc ngâm, tùy bút, trường ca hiện đại.
- Phú, văn tế, thơ ca trù.

3. Kịch

- Sân khấu dân tộc: chèo, tuồng, cải lương.
- Sân khấu hiện đại: kịch thơ, hài kịch, bi kịch, kịch câm.

Tóm lại, lúc đọc để thưởng thức, lúc phân tích tác phẩm văn học, cần phải có định hướng. Đề tài, chủ đề, cảm hứng, nội dung triết lý, sắc điệu phẩm mỹ, văn bản, ngôn từ, thế giới hình tượng và thể loại tác phẩm văn học - là những căn cứ để hiểu và cảm, để giảng và bình tác phẩm văn học.

Lý luận văn học vốn khó nhưng thú vị. Nó là cái chìa khóa vàng để học và đọc tác phẩm văn học.

Kiểu sáng tác

1. Kiểu sáng tác văn học là những kiểu văn học xuất hiện trong từng thời đại và từng trào lưu văn học. Mỗi kiểu sáng tác văn học thể

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

hiện một phương thức cảm nhận đời sống, một kiểu nhà văn, kiểu thể loại, một phương thức biểu hiện gắn với kiểu tự ý thức của con người.

2. Có 3 kiểu sáng tác văn học: kiểu sáng tác thần thoại, kiểu sáng tác truyền thống và kiểu sáng tác hiện đại.

a. Kiểu sáng tác thần thoại là sáng tác chưa tự giác, là sản phẩm tinh thần của thời đại nguyên thủy, khi con người chưa phân biệt với thiên nhiên, tác giả là tập thể. Nó gắn liền với lễ hội, của cộng đồng. Nàng Âu Cơ đẻ ra trăm trứng, Bà Nữ Oa đội đá vá trời, Héraklét lập 12 chiến công...

b. Kiểu sáng tác truyền thống bao gồm những sáng tác cổ đại và sáng tác văn học trung đại. Đó là những sáng tác dựa trên các quy tắc chung, phương tiện chung, được kế thừa và phát triển từ đời này sang đời khác. Kiểu sáng tác cổ đại chịu ảnh hưởng trực tiếp của kiểu tư duy quyền uy thần thoại. Đam Săn gọi Trời bằng cậu, lấy Hnhí và Hbhí theo tục nói dây, chặt cây Thần, đi bắt nữ thần Mặt Trời. Sử thi Đam Săn, Íhát và Ôđixê, Ramayana,... tiêu biểu cho kiểu sáng tác cổ đại. Kiểu sáng tác trung đại hình thành và phát triển trong xã hội phong kiến. Các quan hệ vua – tôi, cha – con, vợ - chồng, các phạm trù đạo lý quy phạm như trung thần với nghịch tử, quân tử với tiểu nhân, anh hùng, tài tử, mỹ nhân, v.v... được thể hiện dưới những hình thức nghệ thuật mang tính ước lệ định hình, trở thành chuẩn mực. Cáo, hịch, phú, thơ Đường, v.v... là những sáng tác trung đại, “Sử ký” của Tư Mã Thiên, thơ Lý Bạch, Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi, Truyện Kiều của Nguyễn Du,... là những tác phẩm thuộc kiểu sáng tác truyền thống.

c. Kiểu sáng tác hiện đại: trong văn học phương Tây khởi đầu từ thời Phục hưng, phát triển trong xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội loại người đương đại. Kiểu sáng tác hiện đại bao gồm nhiều trào lưu văn học nối tiếp hoặc đồng thời xuất hiện.

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

Trào lưu văn học là khuynh hướng sáng tác của các nhà văn cùng có chung một cương lĩnh, mục đích, niềm tin và nguyên tắc sáng tác. Văn học phục hưng, Văn học cổ điển chủ nghĩa, Văn học lãng mạn chủ nghĩa, Văn học hiện thực chủ nghĩa... là những trào lưu văn học tiêu biểu nhất

- Văn học phục hưng: lên án thần quyền, bạo lực trung cổ, ca ngợi tự do, nhân đạo, tình yêu, khẳng định vẻ đẹp của bản tính tự nhiên, vật chất của con người. Kịch của Secxpia, Đônkihôtê của Xecvantex, bộ truyện Gacgăngchuya và Păngtagruyen của Rabole là tiếng cười hả hê, sảng khoái của đời sống thân xác... là những kiệt tác của Văn học phục hưng.

- Văn học cổ điển chủ nghĩa: xuất hiện ở Pháp và Tây Âu trong thế kỷ 17. Văn học cổ điển chủ nghĩa coi những con người đặt lý trí lên trên tình cảm riêng tư, chiến thắng dục vọng thấp hèn, coi nhẹ lợi ích và danh dự của dòng dõi và quốc gia là đẹp nhất, lý tưởng nhất, Kịch của Coocnây, kịch của Môlie... tiêu biểu nhất cho văn học cổ điển chủ nghĩa.

- Văn học lãng mạn chủ nghĩa cảm nhận sâu sắc sự đối lập gay gắt giữa thực tại và lý tưởng, chỉ rõ sự bất mãn với thực tại bế tắc là không có lối thoát, ca ngợi niềm khao khát vươn tới trong mộng ảo hoặc thiên nhiên, Văn học lãng mạn chủ nghĩa phát triển ở Tây Âu trong 2 thế kỷ 18, 19. Thi sĩ Lamactin, văn hào Huygô (Pháp), nhà thơ Bairon (Anh), thi hào Puskin (Nga)... là những tên tuổi tiêu biểu cho trào lưu văn học lãng mạn chủ nghĩa. Ở Việt Nam ta, tự lực văn đoàn với các nhà thơ nhà văn như Nhất Linh, Khái Hưng, Xuân Diệu,... là những văn sĩ của trào lưu văn học lãng mạn 1930 – 1945.

- Văn học hiện thực chủ nghĩa xuất hiện ở Tây Âu trong thế kỷ 19. Nó cảm nhận thế giới khách quan qua các chi tiết cụ thể, xác thực; khẳng

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

định quy luật của môi trường xã hội đối với bản chất con người, miêu tả đời sống nội tâm như một quá trình có nảy sinh phát triển và biến đổi.

Tính hiện thực chân thực là thước đo giá trị tác phẩm văn chương. Banzắc (Pháp), Đickenx (Anh), Sêkhốp (Nga), v.v... là những nhà văn tiêu biểu của trào lưu văn học hiện thực chủ nghĩa. Ở Việt Nam ta, các nhà văn Nguyễn Công Hoan, Nam Cao, Nguyên Hồng, Vũ Trọng Phụng... là những nhà văn hiện thực 1930 – 1945.

Phong cách nghệ thuật

1. Phong cách nghệ thuật là một cái nhìn mới mẻ, khám phá và độc đáo có tính phát hiện đối với đời sống. Cái nhìn mới mẻ ấy được thể hiện bằng một bút pháp nghệ thuật đặc sắc mang dấu ấn riêng, vẻ đẹp riêng của mỗi nhà văn.

Nhà văn có thực tài mới có phong cách. Phong cách chỉ có thể được định hình qua hàng loạt tác phẩm xuất sắc. Phong cách của nhà văn vừa thống nhất vừa đa dạng, phát triển tạo nên cây bút đa phong cách.

2. Từ “Vang bóng một thời” đến “Sông Đà”, “Tò hoa”, “Trong hoa”,... - phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân là uyên bác, tài hoa, độc đáo.

Thơ Tố Hữu là thơ trữ tình chính trị thống nhất trong cảm hứng lý tưởng, Tổ quốc, nhân dân, về niềm vui lớn cách mạng, và ân tình thủy chung. Sâu sắc về lý trí, dào dạt về tình cảm, ngọt ngào, sâu lắng, thiết tha. Có lúc như dân ca. Có lúc như thơ Kiều, có lúc nghe như Thơ mới.

Hồ Chí Minh là một nhà văn đa phong cách. Viết bằng tiếng Pháp,

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

tiếng Hán và tiếng Việt, thống nhất trong tính giản dị, hồn nhiên, thâm thúy. Truyện ký thì sắc sảo, hóm hỉnh. Thơ chữ Hán giàu chất Đường thi. Thơ chúc tết thì dân dã, dễ hiểu. Văn chính luận rất khúc chiết, đanh thép, hùng hồn. Cảm hứng yêu nước thương dân là cảm hứng chủ đạo trong văn thơ của Người. Độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội là đề tài nhất quán trong tác phẩm Hồ Chí Minh.

Bụi vùn

Nhà văn phải là người sống sâu với cuộc đời do đó hết sức nhạy cảm với vấn đề xã hội và những vấn đề ấy thôi thúc khiến nhà văn biến chúng thành cảm hứng. Tuy nhiên để có những tác phẩm lớn người viết cảm phải có những tư tưởng, quan niệm và phải có năng khiếu nghệ thuật đó là sự tưởng tượng và những kỹ năng sáng tạo”. Bình luận ý kiến trên.

Bài làm

Ý kiến có thể nói đó là một bao quát chung về tất cả mọi hoạt động của nhà văn và họ phải thật sự là một con người với tất cả tình cảm, lí trí, sự tưởng tượng... cho nghề nghiệp của mình!

Chúng ta cần biết rằng “chủ thể sáng tạo” của một tác phẩm phải có thế giới quan và nhân sinh quan, cả hai bổ sung cho nhau, hòa quyện vào nhau để tạo nên cách nhìn. Đó là “đôi mắt tình thương”, là lòng nhân đạo của tác giả về cuộc sống và con người, nó là tư tưởng của tác phẩm: Một Nguyễn Hồng nhân đạo đã để lại cho nhân vật Huệ Chi chết – một cái chết thanh thản và đầy đức tin nơi đáng Chúa... Và mỗi nhà văn họ đều nhìn nhân vật của mình một cách khác nhau. Nam Cao nhìn người nông dân có tính hệ thống riêng, ông trân trọng nhân vật của mình và vì vậy ông miêu tả họ với một giọng văn đồng cảm, thương mến: Lão Hạc trong cái đói khổ vẫn không nỡ giết chết con chó thân thương; Chí Phèo trong cái buổi sáng thức dậy không còn là con quỷ dữ của làng Vũ Đại,

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

mà anh Chí giờ đây lại hiền hậu, chân chất với một ước mơ bình dị, của một người lương thiện ngày nào. Và Thị Nở sau khi thấy được tình yêu giữa mình và Chí Phèo, Thị không còn là một con người dở hơi nữa mà là một người phụ nữ với đủ bản năng làm vợ... Trong Đôi mắt Nam Cao đã nhìn người nông dân tuyên truyền đầy chất phác thật thà với bó tre trên vai đã đi ngăn quân thù, ông đã nhìn thấy cái nguyên có đẹp đẽ bên trong của anh nông dân... Nói tóm lại, các nhà văn đều có quan điểm riêng trong cái nhìn của mình và quán triệt quan điểm đó, họ nhìn nhân vật của mình với đầy đủ cái đẹp cái tốt, nhìn với đôi mắt tình thương và nhìn toàn vẹn nhân vật, tóm gọn mọi cái đẹp phía nhân vật chính diện của mình. Đối tượng của văn học là cuộc sống cho nên mỗi nhà văn đều có khả năng chiếm lĩnh một phạm vi đề tài chứ không phải là một nhà văn phải “lấy” tất cả mọi đề tài từ cuộc sống ngồn ngộn, bởi cuộc sống thì muôn màu, muôn vẻ, cả ngàn đề tài về con người đất nước, cuộc sống, tri thức, nông dân... Nếu một nhà văn tự “ôm” hết tất cả mọi đề tài ấy vào trong tác phẩm của mình thì văn chương lúc ấy sẽ sơ sài, sẽ xô bồ, sẽ mất đi cái chất văn chương mà lúc ấy chỉ còn là một bài phóng sự, một bài báo không hơn không kém! Có thể thấy rằng, Nam Cao quan tâm đến nông dân và trí thức và khi nói về nông dân ông hiểu rất sâu sắc vào vấn đề ấy nên ông đã thật sự tạo nên một tác phẩm văn chương độc đáo: Một Chí Phèo ra đời từ đề tài về người nông dân! Và Vũ Trọng Phụng lấy đề tài từ xã hội tư sản thành thị với mặt trái của nó cho nên một tuyệt tác “văn chương ra đời” – Số đỏ đã đưa ông lên một đỉnh cao của một nhà văn “trào phúng hiện thực”! Nếu Nam Cao đi sâu vào đề tài, khoét sâu vào đề tài thì ngược lại ở thiên tài họ Vũ là khả năng bao quát đề tài – là chiều rộng chứ không phải chiều sâu, là cái “rộng” của những mặt trái của xã hội thành thị lúc ấy. Cho nên ta thường thấy văn chương bị kịch thường sâu, thường đi vào tim của con người để rồi tìm thấy ở đây một giọt nước mắt, một sự “bi” trong số phận của nhân vật, để rồi cảm thông, thương xót nhân vật; còn văn chương trào lộng thì thường lôi bản chất sự vật lên bề nổi để phê phán, để tìm ở đây những tiếng cười chua chát và mỉa mai một xã hội thối nát, một nhân cách đê

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

mat...

Nhà văn phải là người sống sâu với cuộc đời “tức là nhà văn phải thấu hiểu cả mọi ngõ ngách của cuộc đời, phải tận hiểu mọi cái biến thái từ vật chất đến con người, từ đồ vật đến động vật, từ tâm lí đến tình cảm...Nói chung nhà văn phải thật sự “sống” cuộc sống mà tác phẩm cần viết, nhà văn phải hòa nhập vào “cuộc đời” của tác phẩm – mà cuộc sống đã ban phát. Nam Cao thường nắm bắt bản chất sự việc cho nên cốt truyện hiện thực không rắc rối nhưng tình huống trong đời sống nội tâm rất căng thẳng, bởi vì Nam Cao thường là “sống sâu” đi sâu vào cuộc sống của nông dân, thường khoét sâu vào những nỗi đau của những con người bần cùng của xã hội, cho nên văn chương của ông bắt người đọc phải suy ngẫm rất nhiều, rất nhiều...và cũng bởi vì sống sâu cho nên họ Vũ đã phát hiện ra sự tha hóa của bọn thượng lưu. Bọn chúng bịa ra một thằng Xuân tóc đỏ rồi đi tin nó và đã để cho nó ngồi lên, chà lên mặt của nhiều người. Khi đã sống sâu với cuộc sống thì đời nhà văn “hết sức nhạy cảm với vấn đề xã hội”, bởi vì xã hội là một quan hệ phong phú và đa dạng của người với người cho nên vấn đề xã hội nó có ý nghĩa phổ quát và văn chương bây giờ vượt lên giới hạn của nó. Nam Cao sống với cuộc sống của người nông dân cho nên ông rất “nhạy” với sự cùng cực của người nông dân. Nam Cao đã cho chúng ta thấy không chỉ là một người nông dân trong nghĩa hẹp mà nó bao quát đủ cả mọi lớp người cùng cực trong xã hội. Có thể nói cái “phổ quát” là ở đây! “Những vấn đề ấy thôi thúc khiến nhà văn biến chúng thành cảm hứng”, cái cảm hứng mà như Nam Cao mong muốn: “khơi những nguồn chưa ai khơi...” cái cảm hứng đó có thể là sự bất chợt cần nắm bắt ngay, chẳng hạn là một bài thơ về một bông hoa hải đường; cái cảm hứng đó cũng có thể là sự suy ngẫm trong suốt một đời người, chẳng hạn tác phẩm “Những người khốn khổ” của Victor Hugo phải viết ba mươi năm. Phaoxt-Gót sáng tác dường như suốt một đời người và cũng như Nguyễn Đình Thi viết Đất nước một chủ đề bất ông phải suy ngẫm trong mấy năm trời! Cái cảm hứng ấy hòa nhập cả hai mặt tình cảm và lí trí: Đó chính là hiện thực ngoài đời và hiện thực tâm trạng, cả hai hòa nhập, đan xen vào

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

nhau để tạo nên cảm hứng đặc biệt cho nhà văn và gián tiếp cho cả tác phẩm văn chương ấy. Nhà văn thấy số phận của nhân vật giống như chính số phận của mình, thấy sự đau khổ của nhân vật và mình giống nhau, hoặc nhà văn thấy sự bứt rứt của nhân vật chính là nỗi đau dai dẳng ở mình thì lúc ấy chính là sự đồng điệu, lúc ấy tình cảm và lí trí của tác giả hòa nhập vào nhau và nó tạo thành một cảm hứng thực sự độc đáo, nó gây phấn khích cho nhà văn sáng tạo. Tuy nhiên để có những tác phẩm lớn, người viết cần phải có những tư tưởng, quan niệm. Những tư tưởng, quan niệm ấy nó như là một sự “tiên quyết” cho sự trường tồn của chính tác phẩm ấy. Cho nên, chúng ta thường thấy đôi lúc tư tưởng quan niệm được phát biểu một cách trực tiếp, “Chao ôi, nghệ thuật không cần phải là ánh trăng lừa dối, không nên là ánh trăng lừa dối; nghệ thuật chỉ có thể là tiếng đau khổ kia, thoát ra từ những kiếp lầm than...” (Nam Cao) và đôi lúc tư tưởng quan niệm ấy được phát biểu một cách gián tiếp có thể thấy tác phẩm: “Ông già và biển cả” là một trường dụ. Sự chiến thắng nhưng ý nghĩa thực là một thất bại: - Con người có thể chinh phục được thế giới bên ngoài nhưng không vượt qua được chính mình: Thế giới bên trong có thể phong phú hơn, mạnh mẽ hơn, nắm bắt được bản ngã biết đâu con người lại hạnh phúc hơn! Nhưng tác phẩm ấy cũng chính để nói lên cái suy nghĩ của nhà văn với cuộc kiếm tìm vất vả và tư tưởng, chủ đề tác phẩm của mình. Cuộc kiếm tìm ấy bằng chính mồ hôi, nước mắt, bằng máu và cả lòng dũng cảm.

Và để có những tác phẩm lớn, người viết cần phải có năng khiếu nghệ thuật, đó là sự tưởng tượng và những kĩ năng sáng tạo. Cho nên để hiểu rằng không phải ai cũng ngẫu nhiên sẽ trở thành một nhà văn, mà nó đòi hỏi ở người muốn làm nhà văn có một năng khiếu riêng - năng khiếu nghệ thuật! Chuyện văn chương quả là không dễ, cũng như là một bọc trăm trứng của Âu Cơ - thì chỉ có một Nguyễn Du, Nguyễn Du là quả trứng “lép” ấy (Chế Lan Viên đã viết về Nguyễn Du : “Trong trăm trứng Âu Cơ anh là trứng lép. Anh nở ra thành một thi nhân”). Năng khiếu nghệ thuật đó chính là sự tưởng tượng và những kĩ năng sáng tạo của nhà văn. Vi hành là chuyện thật hay bịa? Chỉ có một bộ óc tưởng tượng

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

thông minh sắc sảo mới có thể viết lên, vẽ lên một đôi trai gái trên chuyến tàu Pháp như vậy, họ nói chuyện với nhau về một người khác địa vị, khác màu da...Có thể nói Vi hành là một ví dụ hết sức độc đáo về sức tưởng tượng phong phú tuyệt đỉnh của Nguyễn ái Quốc và bên cạnh sự tưởng tượng ấy là sự sáng tạo cụ thể trong văn chương có thể nói đó là “kỹ năng sáng tạo” trong chuyện “bếp núc” của nhà văn, đó là sự khéo léo của người viết, để có một sự độc đáo riêng, một phong cách riêng cho chính mình. Huy Cận đã phải rất cực nhọc, nhẩn nại trong việc chọn các hình ảnh cho câu thơ của mình:

Củi một cành khô lạc mấy dòng

Tác giả đã từng thử bút bằng các hình ảnh: “Cánh bèo trôi, cánh bèo đơn”, “chút bèo đơn”, “gót bèo xanh”, “gỗ lạc rừng xa”, “củi một cành xuôi” và cuối cùng đã chọn hình ảnh “củi một cành khô”. Đó là một hình ảnh rất độc đáo của một Huy Cận, cho người đọc một hình tượng mới lạ, sắc sảo, gợi nên một cuộc đời khô héo trôi nổi, dằn vặt trong lòng người đọc...

Nói tóm lại, làm một nhà văn không phải là một chuyện dễ dàng bởi vì ở họ không chỉ hội tụ sự khẳng định về nhân cách bản chất thẩm mỹ của cuộc sống, của con người mà họ còn phải nắm bắt được sự trộn vụn phong phú, đa dạng của tâm hồn con người trước cuộc sống. Và vì thế, cho nên họ luôn phải sống sâu để cảm nhận được hết cả mọi sự “phong phú đa dạng” ấy. Bên cạnh đó họ phải là một con người “lớn” và rành rọt tất cả chuyện “bếp núc” của văn chương: Đó chính là cái năng khiếu nghệ thuật riêng của một nhà văn – bởi vì nó cũng chính là một nhân tố quyết định cho “hơi thở”, sức sống của một tác phẩm vĩ đại, của một nhà văn vĩ đại!.

Các giá trị văn học

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

Văn học (nghệ thuật) là sản phẩm tinh thần cao quý của con người. Nó là thước đo trình độ văn minh, tầm vóc và bản sắc văn hóa của mỗi dân tộc.

Giá trị thẩm mỹ, giá trị nghệ thuật và nhân văn là những giá trị mà văn chương đích thực mang lại cho người đọc. Nội dung của tác phẩm và cảm hứng của nhà văn chân chính, có thực tài sẽ tạo nên tính tư tưởng, giá trị tư tưởng, tính nhân dân, tư tưởng nhân văn. Tính chân thực là nền tảng, là cơ sở lâu bền của giá trị văn học. Có tác phẩm văn học sớm nở tối tàn, lại có thiên cổ hùng văn, thiên cổ kỳ bút,... là như vậy.

Tiếp nhận văn học

Muốn tiếp nhận văn học điều kiện tiên quyết là yêu văn học và ham mê đọc sách. Người đọc sách phải có trình độ học vấn, có chất văn hoá, tích cực chủ động thâm nhập vào tác phẩm văn học. Đọc mà không hiểu, không cảm được cái hay cái đẹp của tác phẩm thì đọc sách cũng vô ích. Phải có trí tuệ và tâm hồn mới tiếp nhận văn học đúng với ý nghĩa của ngôn từ này.

Văn học đích thực vốn đa nghĩa. Có người đọc thơ văn để giải trí. Có người đọc tác phẩm để học tập, để nghiên cứu. Tùy năng lực cảm thụ và thị hiếu của người đọc để xác định yêu cầu và mức độ tiếp nhận văn học. Chỉ khi nào đọc sách với thái độ trân trọng, đối thoại với tác giả, biết khám phá và đồng sáng tạo, đọc sách để giải trí hay học tập, đọc sách vì một nhu cầu nhân sinh... thì mới có thể nói là biết tiếp nhận văn học. Người có văn hóa, có tâm hồn đẹp mới yêu sách, ham mê đọc sách. Sách là người thầy, là bạn hiền. Giàu vốn sống mà đọc sách thì sự tiếp nhận văn học đã từ lượng biến thành chất vô giá.

Đọc sách nhằm nhí thì đừng có nói đến chuyện tiếp nhận văn học nữa.

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

SÁCH KỂ CHUYỆN HAY... SÁCH CA HÁT

... Nhiều lần tôi khóc khi đọc sách: sách kể chuyện hay biết bao về con người, họ trở nên đáng yêu và gần gũi biết bao. Là một thằng bé bị công việc ngu độn là cho kiệt lực, luôn luôn phải hứng lấy những lời chửi mắng đần độn, tôi trịnh trọng hứa với mình là lớn lên, tôi sẽ giúp đỡ mọi người, hết lòng phục vụ họ.

Như những con chim kì diệu trong truyện cổ tích, sách ca hát về việc cuộc sống đa dạng và phong phú như thế nào, con người táo bạo như thế nào trong khát vọng đạt tới cái thiện và cái đẹp. Và càng đọc, trong lòng tôi càng tràn đầy tinh thần lành mạnh và hăng hái. Tôi trở nên điềm tĩnh hơn, tin ở mình hơn, làm việc hợp lý hơn và ngày càng ít để ý đến vô số những chuyện bực bội trong cuộc sống.

Mỗi cuốn sách đều là một bậc thang nhỏ mà khi bước lên, tôi tách khỏi con thú để lên tới gần con người, tới gần quan niệm về cuộc sống tốt đẹp nhất và về sự thèm khát cuộc sống ấy...

Văn học chân chính có khả năng nhân đạo hóa con người

Con người sở dĩ đáng kiêu hãnh, trở thành Con Người vì không phải chỉ biết sống theo bản năng, mà còn có một đời sống tinh thần phong phú. Trong đời sống tinh thần của con người, văn học đóng một vai trò quan trọng, tất nhiên văn học nói ở đây phải là văn học chân chính. Văn học đã mở rộng tầm mắt cho con người, giúp cho con người một cách sống tốt đẹp để tự hoàn thiện nhân cách của mình, có thêm sức mạnh để tham

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

gia vào cuộc chiến đấu cho cái thiện toàn thắng trên cõi đời này. Văn học chân chính giáo dục con người bằng cái thật và cái đẹp, sâu sắc hơn nữa “văn học chân chính có khả năng nhân đạo hóa con người”.

Văn học nâng cao nhận thức của con người, đó là chức năng hàng đầu của văn học. Có thể nói sự ngu dốt là thành lũy kiên cố của cái ác. Văn học chân chính góp phần tấn công vào thành lũy đó. Văn học mở rộng tâm trí của con người bằng sự phản ánh chân thực cuộc sống muôn màu muôn vẻ của tự nhiên và xã hội. Đọc tác phẩm văn học, con người có thể hiểu được quá khứ, hiện tại và tương lai. Những tác phẩm như “Bình Ngô Đại cáo” của Nguyễn Trãi, “Truyện Kiều” của Nguyễn Du giúp chúng ta hiểu biết quá khứ đau thương và hào hùng của dân tộc. Những tác phẩm khoa học viễn tưởng giúp chúng ta mừng tượng được xã hội loài người trong tương lai. Ngay cả những dự báo trong các tác phẩm văn học hiện đại cũng giúp con người mở mang tâm trí rất nhiều. Những dự báo về sự diễn biến tư tưởng trong cuộc sống hòa bình của Tố Hữu trong bài thơ “Việt Bắc” không đáng kinh ngạc lắm sao?

“Mình về thành thị xa xôi
Nhà cao còn thấy núi đồi nữa chăng
Phố đông còn nhớ bản làng
Sáng đèn còn nhớ mảnh trăng giữa rừng.”

Khi nhà văn G.Mackay (Nobel 1983) nói lớn lên: “Sự vong ân của con người là vô bờ bến” đã làm thức tỉnh cả nhân loại.

Trong hiện thực muôn màu muôn vẻ của văn học, chúng ta thấy có hai hướng chính: các nhà văn hướng đến những nhân cách cao thượng và hướng đến những thân phận bé nhỏ, những tấn bi kịch của con người. Hướng thứ nhất có thể coi là giấc mơ của nhân loại. những Prômêthê, những Đôn Kixô, những Giăng Van Giăng, những anh hùng Lương Sơn Bạc, những Thánh Gióng, Từ Hải... hướng con người đến những tình cảm cao thượng. Những ước vọng đẹp đẽ khi cái ác hoành hành, nhân loại cần một lưỡi gươm vung lên (một lưỡi dao phay cũng được) dù đấy chỉ là một giấc mơ.

Hướng thứ hai như là một liều thuốc chống bệnh vô cảm – một căn bệnh

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

nan y của nhân loại hiện đại. Những Thúy Kiều, những vợ chàng Trương, những Tấm Bính, những chị Dậu... đã làm xúc động trái tim của con người. Khi một con người không còn thấy rung động trước những thân phận bé nhỏ (như trong truyện ngắn của Thạch Lam) thì ta có thể nói tâm hồn của con người đó đã chết.

Cũng hướng này, nhưng sâu hơn nữa, các nhà văn còn rọi ánh sáng vào tâm hồn của những con người bé nhỏ đã bị tha hóa để thấy rằng họ cũng còn một chút lương tri. Nếu một xã hội bằng phẳng có thể cứu vớt những linh hồn tội lỗi đó. Một A.Q, một Chí Phèo, một Binh Chức, một Năm Thọ có sức cảnh giới con người, kêu gọi xã hội không nên xô đẩy con người vào đường tội lỗi.

Sức mạnh của văn học chân chính còn góp phần tố cáo những thế lực đen tối, tàn bạo trong xã hội, chà đạp lên cuộc sống của con người. Bằng những hình tượng, văn học đã tiếp sức cho con người thêm sức mạnh để chống lại điều ác, để xóa bỏ những xã hội đen tối tàn bạo.

Cái chết bi thảm của cặp tình nhân Rômeô và Juliet đã làm dịu đi tất cả những xung đột dòng họ trên đời này. Bi kịch có sức thanh lọc tình cảm của con người là thế.

Nguyễn Du đã vẽ lên hàng loạt những chân dung góm ghiếc như Mã Giám Sinh, Tú Bà, Sở Khanh, Hồ Tôn Hiến... khiến cho con người ghê tởm với cái xấu, cái ác, với cường quyền.

Hàng loạt những nhân vật trong văn học hiện thực 1930-1945 như Nghị Quế, Nghị Lại, Nghị Hách, Bá Kiến, Xuân tóc đỏ... khiến cho người đọc thấy xã hội thực dân phong kiến đen tối, xấu xa, tàn bạo, không còn cơ sở để đứng vững. Văn học chân chính còn ca ngợi những hành động đấu tranh để thay đổi hoàn cảnh làm cho hoàn cảnh trở nên nhân đạo hơn đối với con người. Lục Vân Tiên, một anh học trò “bẻ cây làm gậy” tả đột hữu xung đánh tan bọn cướp cứu người lương thiện là một biểu dương sức mạnh chính nghĩa. Chị Dậu nổi giận đánh bọn cai lệ là một hành vi của bản lĩnh, của nhân cách rất cần thiết trong cuộc sống. Bà Má Hậu Giang chửi vào mặt lũ thực dân và bọn tay sai là hành động anh hùng để bảo vệ lí tưởng cao đẹp. Cao hơn nữa là những hành động đầy ý

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

thức có tổ chức và đấu tranh thắng lợi, cải tạo được hoàn cảnh, như trong “Đất nước đứng lên” của Nguyên Ngọc, “Người mẹ cầm súng” của Nguyễn Thi.

Văn học chân chính có khả năng góp phần hoàn thiện đạo đức, nhân cách của con người, làm cho con người sống tốt đẹp hơn. Văn học giúp con người nhận thức xã hội và thế giới tự nhiên, nhưng chủ yếu là tự nhận thức, là giúp cho con người tự cải tạo và hoàn thiện bản thân mình. Văn học định hướng và chuẩn bị cho cá nhân những điều kiện để làm cuộc hành trình tinh thần hoàn thiện nhân cách bên trong của mình. “Đôi mắt” của Nam Cao trang bị cho chúng ta một cách nhìn đời sáng suốt. “Con cá chột nưa” của Tố Hữu cảnh giới cho chúng ta chủ nghĩa cá nhân rất nguy hiểm. “Chữ người tử tù” biểu dương một nhân cách cao đẹp trong sự hài hòa giữa cái đẹp và cái dữ.

Thơ trữ tình tác động mãnh liệt vào tâm trí của người đọc. Những hình tượng thơ có giá trị nghệ thuật cao truyền cho người đọc một tình yêu mãnh liệt đối với cái đẹp, cái cao cả, đồng thời cũng kích thích con người thái độ căm ghét cái xấu, cái tàn bạo chà đạp lên quyền sống của con người. Thế mới biết thơ có tác dụng giáo dục lớn lao đối với con người.

Khổng Tử đã từng nhận xét về Kinh Thi: “Thi khả dĩ hứng, khả dĩ quan, khả dĩ quần, khả dĩ nộ...” Lời nhận xét của Khổng Tử đối với Kinh Thi của Trung Quốc có thể hiểu rộng đó là nhận xét chung đối với văn học chân chính. Hiểu theo Khổng Tử, văn học chân chính có thể mang lại cảm hứng cho con người, văn học chân chính có khả năng mở rộng tầm mắt của con người, văn học chân chính có khả năng đoàn kết con người (tất nhiên là để chiến đấu cho cái thiện toàn thắng). Văn học chân chính còn có khả năng gây cho con người lòng căm phẫn đối với cái xấu, cái ác, cái tàn bạo... Văn học chân chính có khả năng nhân đạo hóa con người là vì thế.

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

Chức năng chủ yếu của văn học. Nội dung của từng chức năng đó là gì?

BÀI LÀM

Có rất nhiều tiêu chí phân biệt sự khác nhau giữa văn học và các môn khoa học khác. Nhưng có lẽ M. Gorki đã từng nói rất đúng đặc thù của bộ môn “ Văn học và nhân học”.

Là khoa học khám phá thế giới tâm hồn, tính cách con người, văn học có chức năng riêng, biểu hiện trên ba mặt chính : nhận thức – tôn giáo - thẩm mỹ.

Văn học có chức năng khám phá những quy luật khách quan của đời sống xã hội và đời sống tâm hồn của con người. Nó có khả năng đáp ứng nhu cầu của con người muốn hiểu biết về thế giới xung quanh và chính bản thân mình. Không phải ngẫu nhiên đã có người cho rằng “ Văn học là cuốn sách giáo khoa của đời sống”. Chính cuốn sách ấy đã thể hiện một cách tinh tế và sắc sảo từng đổi thay, từng bước vận động của xã hội. Nó tự như “chiếc chìa khoá vàng mở ra muôn cánh cửa bí ẩn, đưa con người tới ngưỡng cửa mới của sự hiểu biết thế giới xung quanh”

Qua mỗi tác phẩm văn học nghệ thuật chân chính ta có thể thấy cuộc sống dường như đang phập phồng trong từng con chữ. Đọc Chí Phèo của Nam Cao, Tắt đèn của Ngô Tất Tố, Bỉ vỏ của Nguyên Hồng, Bước đường cùng của Nguyễn Công Hoan...chúng ta đều hiểu khá đầy đủ về cuộc sống khổ cực của người dân Việt Nam trong những năm tháng đen tối trước Cách mạng tháng Tám...Tiếng trống , tiếng tù rúc trong những ngày nộp sưu thuế, tiếng thét uất nghẹn của kẻ không – được – làm - người, một lưỡi dao vung lên, một vũng máu tươi, một cuộc đời đi vào ngõ cụt...tất cả giúp chúng ta nhận thức sâu sắc bi kịch về số phận con người trong xã hội cũ. Qua những tác phẩm như Hòn đất của Anh Đức, Người mẹ cầm súng của Nguyễn Thi..chúng ta hiểu biết thêm nhiều về cuộc chiến đấu gian khổ, hi sinh và rất anh hùng của nhân dân trong cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc... Và ngay cả khi đọc Chiến tranh và hoà bình của Lép Tônxtôi, ta có thể hình dung ngay được toàn

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

bộ đời sống nước Nga thế kỉ XIX, những con người Nga, tính cách Nga kiên cường nhân hậu...Cuộc sống muôn màu muôn vẻ, nó phức tạp như chính bản thân nó vậy, nhiều khi những vấn đề buộc ta tìm tòi suy nghĩ, lại không hiện rõ mà tiềm ẩn, chứa đựng trong muôn vàn sự việc khác. Tiếp xúc với thế giới những tác phẩm văn học lớn, chúng ta tiếp cận gần hơn với cuộc sống, hiểu rõ hơn, thấu đáo kĩ càng hơn cuộc sống con người và cả chính bản thân mình. Ta bắt đầu nắm bắt được chân lí của cuộc sống, hiểu và khám phá ra những quy luật của cuộc sống. Hãy lắng nghe tiếng giã gạo:

Gạo đem và giã bao đau đớn
Gạo giã xong rồi trắng tựa bông bay
Sống ở trên đời, người cũng vậy.
Gian nan rèn luyện mới thành công

(Hồ Chí Minh)

Tiếng giã gạo là âm thanh đời thường, thế nhưng qua thơ Bác là cả một chân lí sống, một quan điểm nhân sinh : “Gian nan rèn luyện mới thành công”.

Từ nhận thức về đời sống xã hội, con người được văn học giúp đỡ, đã cho ta nhận thức được tâm hồn của chính mình, để từ đó có thái độ dẫn đến việc làm, thích hợp với cuộc sống xung quanh. Đọc câu thơ của Hồ Xuân Hương “Vội đây đổi phận làm trai được” ta thấy rõ hơn khát vọng sống mãnh liệt của người phụ nữ dưới thời phong kiến, muốn sống tự do, muốn làm nên sự nghiệp như các đấng mày râu nhưng thường xuyên bị các thế lực thống trị đầy đoạ, vùi dập... Từ đó, trên cơ sở so sánh với xã hội hôm nay, ta sẽ cảm nhận sâu sắc với cuộc đời chìm nổi của người phụ nữ trong xã hội cũ và biết trân trọng xã hội mới tạo ra cho con người quyền sống chính đáng. Do đó chức năng nhận thức của văn học nhằm mục đích giúp con người khám phá ra chính bản thân mình.

Bên cạnh chức năng nhận thức là chức năng giáo dục. Qua mỗi tác phẩm văn học, cuộc sống không chỉ phản ánh đơn thuần là bản thân nó mà đằng sau mỗi sự việc, hiện tượng cụ thể là những cái lớn hơn, những

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

vấn đề đặt ra cho chúng ta buộc chúng ta phải suy nghĩ, phải tìm tòi.

Nếu văn học từ thời xa xưa được sáng tác chỉ vì mục đích giải trí hoặc làm những bài kinh cầu tế lễ...thì ngày nay nó vượt xa cái giới hạn đó để trở thành người bạn, người thầy cùng đồng hành với chúng ta. Đọc những câu ca dao, những tác phẩm văn học ca ngợi non sông đất nước, ta bỗng thấy yêu hơn những cánh đồng, những dòng sông, những đêm trăng : “Hoa cau rụng trắng ngoài thềm:...ta bỗng thấy yêu hơn tiếng à ơi cầu mẹ, tiếng võng kẽo kẹt mỗi trưa hè...

Đọc những áng hùng văn của Lí Thường Kiệt, Nguyễn Trãi...ta rất đỗi tự hào về dân tộc ta, tự hào về truyền thống anh hùng của đất nước ta... để từ đó quyết tâm bảo vệ và phát huy truyền thống đó.

Đọc truyện Kiều của Nguyễn Du, nhận thấy sự bất công xã hội, ta cảm thấy sâu sắc với thân phận người phụ nữ và căm giận cho những tội ác của giai cấp thống trị phong kiến trong thời buổi mạt vận đó.

Chính truyền thống “tôn sư trọng đạo”. truyền thống anh hùng của dân tộc thông qua văn học, đã tác động mạnh đến con người, làm cho con người biết yêu thương quý trọng cái tốt, cái đẹp, căm ghét cái ác cái xấu. Tóm lại, nói văn học có chức năng giáo dục thông qua nhận thức là nói đến việc giáo dục đạo đức con người.

Tuy nhiên nếu một số tác phẩm văn học có thể lay chuyển mạnh mẽ tâm hồn người đọc và giúp con người sống tốt hơn, thì trái lại cũng có một số tác phẩm làm cho con người trở nên yếu đuối và bất lực, có nghĩa là khi đó văn học mang tác dụng tiêu cực cho con người. Tác dụng tiêu cực thể hiện rõ nhất ở những tác phẩm chỉ thiên về tình cảm ủy mị hoặc kích động bạo lực, kích động bản năng truyền thống, tạo cho con người những nhận thức lệch lạc về cuộc sống. Vì thế, đến với văn học, ta vẫn phải quan tâm đến tác dụng của những tác phẩm văn học chân chính và ngăn ngừa những tác hại của sách báo độc hại, nhảm nhí. Có như vậy mới phát huy được chức năng giáo dục tích cực của văn học.

Nhưng sẽ thiếu sót nếu chúng ta không đề cập đến chức năng thẩm mĩ của văn học. Ý nghĩa nhận thức - giáo dục của văn học chỉ có khả năng phát huy tác dụng tích cực và đầy đủ khi nó tạo được ở người ta tình

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

cảm – thẩm mỹ, tức là gây xúc động về cái đẹp chính là ở khả năng gợi cảm về cái đẹp của cuộc sống và con người. Chế Lan Viên đã từng cảm rất sâu sắc về vẻ đẹp của Tổ quốc, vẻ đẹp của truyền thống ngàn xưa.

Hỡi sông Hồng tiếng hát bốn nghìn năm
Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng?
Chưa đâu! Ngay cả trong những ngày đẹp nhất
Khi Nguyễn Trãi làm thơ và đánh giặc
Nguyễn Du viết kiêu đất nước hóa thành văn

Khi Nguyễn Huệ cười voi vào cửa Bắc
Hung Đạo diệt quân Nguyên trên sông Bạch Đằng...

Nhưng, muốn gợi cảm, gây xúc động cho con người về cái đẹp của cuộc sống thì tác phẩm văn học bên cạnh việc xây dựng lại cái Đẹp còn phải tái hiện chân thực cuộc sống, Đọc một tác phẩm thể hiện hơi thở đời sống xã hội và tâm hồn, ta cảm thấy như thể mình bị xúc phạm, bị lừa dối. Khi gặp một quyển sách nào đó mà ta vẫn muốn trở lại với nhân vật, trở lại với những vấn đề tư tưởng mà nó quan tâm, khi đó văn học đã đạt đến cái “đích thực” của nó. Ta hãy đọc Chí Phèo của Nam Cao, biết rằng đây là nhân vật hư cấu, một nhân vật không có thật ở ngoài đời, nhưng hình ảnh Chí Phèo ngất ngưỡng bước đi trong tác phẩm có sức sống mãnh liệt, nó luôn ám ảnh ta và gây cho ta sự xúc động mãnh liệt. Vì sao vậy? Qua Chí Phèo, ta thấy được số phận bi kịch của người dân dưới xã hội cũ. Nhân vật Chí Phèo là hư cấu, nhưng cuộc đời Chí Phèo là cuộc đời thực trong xã hội. Đó là nơi tập trung mọi nỗi đau khổ trên đời khi con người bị tước đoạt quyền làm người, bị tách khỏi các quan hệ xã hội. Chính vì vậy mà Chí Phèo cứ tồn tại và luôn gây những xúc động mãnh liệt.

Hay khi đọc xong Sông Đông êm đềm của Sôlôkhốp cũng vậy, cái miền đất sông Đông xa xôi ấy như là rất thân quen với chúng ta, tạo cho ta sự xúc động mãnh liệt về số phận con người trong chiến tranh. Rất tự nhiên chúng ta nảy sinh tình cảm ấy, bởi tác phẩm Sôlôkhốp cũng là bức tranh sinh động, chân thực và đẹp đẽ về cuộc sống và con người. Hơn

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

thế nữa, qua cuộc đời của các nhân vật, ta thấy được cuộc đời, số phận của những con người Nga trong chiến tranh. Quả thật “cái đẹp chính là cuộc sống” (Sécnuisépxki) “chỉ có cái Đẹp là cứu vãn thế giới này” (Đốt).

Như vậy, việc tái hiện chân thực cuộc sống trong tác phẩm văn học thông qua những điều có thực trong cuộc sống và đặc biệt thông qua tính sinh động của những hình tượng văn học đã tạo tác phẩm đạt giá trị cao về thẩm mỹ, làm rung động người đọc và hướng họ đến cái Đẹp chân chính.

Tuy nhiên, bên cạnh đó, chức năng thẩm mỹ của văn học còn phụ thuộc vào trình độ tiếp nhận văn học. Một tác phẩm có thể tác động mạnh đến tâm hồn người này nhưng lại ít tác động đến người khác. Nguyên nhân này có thể do tình cảm, cảm xúc của mỗi người khác nhau. Hơn thế nữa, có thể do trình độ tiếp thu, lập trường tư tưởng, quan niệm nhân sinh, sự trải nghiệm cuộc sống của người đọc vốn đa dạng chi phối...

Thế nên phải có một cái nhìn duy vật biện chứng và có quan điểm lịch sử, cũng như phải có khả năng nhạy cảm với cái đẹp đúng đắn, mới phát huy được chức năng thẩm mỹ của văn học.

Nhìn chung, ba chức năng nhận thức – giáo dục – thẩm mỹ trong thực tế luôn hòa lẫn vào nhau và thông qua nhau mà phát huy tác dụng: nhận thức phải có tác dụng giáo dục; nhận thức và giáo dục phải thông qua đặc trưng thẩm mỹ, đồng thời một tác phẩm có giá trị thẩm mỹ bao giờ cũng chứa đựng những tri thức sâu sắc và sức mạnh giáo dục lớn lao

Bình luận câu nói của Hồ Chí Minh : “Văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy”.

BÀI LÀM

Hồ Chí Minh là một nhà chính trị, yêu nước vĩ đại nhưng đồng thời Người là nhà văn lớn. Bác Hồ lại chính là người hơn ai hết hiểu được vai

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

trò của văn chương đối với xã hội, lịch sử. Người luôn luôn ý thức sử dụng văn chương như một vũ khí tư tưởng sắc bén. Vì vậy tổng díp nói chuyện với các nghệ sĩ (1951) một lần nữa Người khẳng định : “Văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy”.

Lời khuyên nhủ của Bác Hồ vào thời điểm này có thể được xem như một chân lí. Trước tiên, chúng ta thấy được tầm quan trọng, tính chất quyết liệt của văn chương là một mặt trận như bao mặt trận khác tuy rằng không có tiếng súng, kẻ thù không trực tiếp nhưng mà tính chất phức tạp của mặt trận này đã được lịch sử chứng minh.

Mỗi nhà văn dù là thiên tài, dù chỉ một người viết lách bình thường thôi đều thuộc một giai cấp nhất định. Và những tác phẩm của họ đều được gửi gắm trần trở, suy nghĩ, khát vọng những tâm tư tình cảm cũng đồng thời chính là thể hiện tư tưởng tình cảm với giai cấp của mình gắn bó.

Một tác phẩm văn học có thể phục vụ tốt cho một giai cấp xã hội này nhưng nó lại phục vụ ngược lại ở giai cấp kia. Vì thế, mỗi nhà văn chính là người đại diện cho một giai cấp. Goocki đã nói “Nhà văn là tai, là mắt, bộ máy cảm quan của một giai cấp. Nhà văn có thể không có ý thức về điều đó. Song bao giờ cũng là một bộ phận của giai cấp”. Vấn đề giai cấp được khẳng định rõ ràng và dứt khoát. Mỗi nhà văn phải tự phấn đấu vươn lên cính mình và vươn lên trong giai cấp mà mình đang đấu tranh.

Trong luận điểm của mình, Bác đặc biệt chú ý đến vai trò của người nghệ sĩ. Học cũng hoạt động trên “mặt trận văn hoá” với tư cách và nhiệm vụ của người chiến sĩ. Thực tiễn lịch sử đã chứng minh trong suốt ba mươi năm qua những nhà văn lớn dường như là chiến sĩ. Ở nghĩa đen ta thấy chiến tranh ác liệt đã thôi thúc họ phải cầm súng bảo vệ đất nước, có người bị thương, bị tàn phế và có cả người đã hi sinh. Và bên cạnh ta phải thừa nhận sự lãnh đạo của Đảng, định hướng văn học phục vụ chính trị, phục vụ giai cấp, phục vụ dân tộc. Cho nên, với vai trò là nghệ sĩ càng không thể làm nơg. Từ đó những khám phá, những sáng tạo các hình

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

tượng nghệ thuật độc đáo, có chiều sâu để cổ vũ người đọc trong lao động, chiến đấu và xây dựng tổ quốc XHCN ra đời. Không phải ngẫu nhiên mà cảm hứng lãng mạn và sử thi quán xuyến cảm hứng văn học suốt ba mươi năm qua, không phải ngẫu nhiên mà các tác phẩm luôn lấy cảm hứng công dân chi phối toàn bộ. Tất cả xuất phát từ quyền lợi giai cấp công dân và quyền lợi cả dân tộc.

“Nhà thơ cũng phải biết xung phong”. Câu thơ của Bác vào thời điểm này đúng sự thật. Nhà thơ không thể thụ động trước cuộc chiến đấu, không thể tối rúc vào “vỏ rùa” cứng cáp của mình mà nhà thơ “phải biết xung phong”, phải biết trách nhiệm, lương tâm của mình. Nhà thơ không thể là nhà đại ngôn, hoa ngữ mà nhà thơ phải biết hành động. Vấn đề là không phải chỉ ngồi bàn tròn phiếm đàm, nên làm thế này thế nọ mà vấn đề chính là văn nghệ sĩ phải tham gia vào sự nghiệp cách mạng của dân tộc và có mặt ở mũi nhọn của nhiều trận tuyến chiến tranh. Cảnh đầu rơi máu chảy của dân tộc không cho phép người nghệ sĩ ngồi luận bàn chuyện thế gian. Không tự nguyện đứng trong “mặt trận văn hoá”, không “hát cho đồng bào tôi nghe” thì những nghệ sĩ ấy vô lương tâm vô trách nhiệm.

Từ ông hoàng thơ mới bế tắc ở giai đoạn sau, Xuân Diệu nói “tôi cùng xương, cùng thịt với nhân dân, cùng đổ mồ hôi, cùng sôi giọt máu”. Từ một lối riêng, Xuân Diệu đến với cuộc đời chung, những tác phẩm của Xuân Diệu đã nói lên những ý hướng ngoại đó: “Riêng chung”, “Cầm tay”, “Tôi giàu đôi mắt”. Và Chế Lan Viên cũng có ý mở rộng lòng đón gió thời đại:

Bài thơ anh làm một nửa mà thôi
Còn một nửa do mùa thu làm lấy.

Chứ không phải như đôi mắt của Hoàng, đôi mắt thiên cận nhìn nhân dân và cuộc kháng chiến mà nhân dân đang tiến hành là việc của ai, là những trò lơ đãng cười...

Lời nói của Bác đã nói lên lập trường kháng chiến. Cuộc chiến đấu đã vào thời điểm sinh tử. Cho nên “quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh” không chỉ dành cho người biết cầm súng mà phải ở tận tư chất của nhà

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

văn. Câu nói này kêu gọi, thúc giục họ đừng ngồi bết để phá bom đạn, cường quyền. Chứ mà cứ lần chần, lừ chừ là mình lỡ có cơ hội phục vụ nhân dân, phục vụ đất nước, là có tội với quê hương, với Tổ quốc.

Quả thật, Bác không thể nói gì khác hơn và nhiều hơn vào thời điểm này. Đất nước lâm nguy thì mọi người tham gia kháng chiến, văn nghệ sĩ cũng tham gia theo lời kêu gọi kháng chiến của Bác “Toàn dân, toàn trí, tự lực cánh sinh, trường kì kháng chiến”... Từ đó cho thấy lời nhắn nhủ văn nghệ sĩ ở thời điểm bấy giờ là một chân lí chính xác. Và theo như Mác đã nói “ Vũ khí của sự phê phán không thể thay thế sự phê phán bằng vũ khí”, ta càng khẳng định mối quan hệ giữa văn chương nghệ thuật và bạo lực cách mạng của nhân dân. Nói cách khác là những tác phẩm văn học không thể lật đổ và làm nên cuộc cách mạng long trời lở đất của nhân dân. Nhưng nắm lấy văn chương là nắm lấy vũ khí và chiến trường văn chương nghệ thuật cũng là một mặt trận. Nó không phải là thứ vũ khí thật sự mà nó chính là công cụ chuẩn bị đắc lực cho cuộc phê phán bằng vũ khí vì nó xuất phát đúng lúc, bắn trúng đích trúng nơi. Nam Cao cũng đã từng phát giác thấy rằng trong thời điểm dầu sôi lửa bỏng thời điểm tiếng kêu la phát ra từ những kiếp lầm than thì không thể, không được phép ngồi ca ngời, mơ tưởng những người đàn bà đẹp trên xích đu hay mơ màng chuyện quá xa hiện thực.

Chân lí này phần nào có tính phổ quát. Ta cũng thấy những tác phẩm phản phong của văn học dân gian đã tố cáo, đả kích bêu riếu giai cấp thống trị, làm cho những con chim trong lồng “Bay thẳng cánh muôn trùng Tiêu Hán. Phá ngàn mây làm bạn với kim ô”. Các loại truyện cười, truyện cổ tích có nội dung đấu tranh xã hội cao. Và những câu tục ngữ, ca dao chính là công cụ đấu tranh của người nghèo bị áp bức, bóc lột:

Bao giờ dân nổi can qua
Con vua thất thế lại ra quét chùa.

Để đánh đuổi thù trong giặc ngoài là quan trọng cực kì, Cho nên không phải ngẫu nhiên ở Việt Nam phần lớn những nhà chính trị là những nhà văn lớn. Họ kêu gọi, tập hợp nhân dân đi theo tiếng nói đầy

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

sức thuyết phục của mình.

Hịch tướng sĩ lôi cuốn người nghe bằng trái tim sôi sục yêu nước của Trần Quốc Tuấn, và những áng văn hào hùng, sảng khoái, Bình ngô đại cáo của Nguyễn Trãi, lời kêu gọi tha thiết của Phan Bội Châu là những chứng minh hùng hồn.

Dòng văn học cách mạng 1930-1945 đã để lại trong lòng người đọc rất nhiều điều: Buồn thương, đau đớn êm đềm... nhưng không ai không nhớ lời kêu gọi tha thiết của Phan Bội Châu:

Dậy ! Dậy !...

... Đúc gan sắt để dờn non lấp bể

Xối máu nóng rửa vết nhơ nô lệ.

Để có cuộc tổng diễn tập đầu tiên tiến tới Cách mạng tháng Tám có biết bao bài ca, bài thơ cách mạng ra đời. Và những nhà văn chiến sĩ không thể phê phán bằng vũ khí, khi vào tù họ lại tiếp tục phê phán vũ khí văn chương. Có lẽ Đảng ta mạnh, phát triển và làm nên những trang sử hào hùng là nhờ những chiến sĩ tự xác định:

Nếu mai đây có chết một thân tôi

Hai mươi tuổi tim đang dạt dào máu

(Tố

Hữu)

Đến khi Cách mạng thành công rồi bước vào giai đoạn chống Pháp, trong đời sống văn nghệ cũng đã hình thành nhiều lớp nhà văn - chiến sĩ, những nhà văn hăng hái tham gia vào sự nghiệp cách mạng, dùng ngòi bút phục vụ cách mạng một cách tận tụy, hết mình. Những nhà văn không những cho máu mà còn hiến hết máu cho mảnh đất quê hương, cho rừng núi, non sông Việt Nam. Họ - có thể là những học sinh trẻ tuổi xếp bút nghiên, từ ghế học đường – đi theo tiếng gọi kháng chiến.

Phần lớn những văn nghệ sĩ tự nguyện lột xác mình cắt cái tôi cũ của mình để đến với nhân dân. Dù phải sống cực khổ, ăn uống tạm bợ có khi thật sự thiếu thốn nhưng họ vẫn bám trụ với Việt Bắc, đấu tranh hết mình ở Việt Bắc chứ không bỏ hàng ngũ, bỏ đồng đội ra đi.

Biết bao người đã gấn bó cuộc kháng chiến và cũng không ít người

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

vì kháng chiến đã ngã xuống. Nam Cao đã hi sinh trên đường về quê hương trong vùng địch hậu. Nguyễn Thi với những trang văn ngồn ngộn, hình ảnh cuộc chiến đấu của dải đất Nam Bộ đã bỏ mình ở góc phố Sài Gòn trên đường Minh Phụng, khi chết tay còn nắm chặt khẩu AK....và những người khác nữa bỏ quên đời ở Tây Bắc, Việt Bắc, ở khắp các chiến trường lớn nhỏ. Không còn nghi ngờ gì nữa, ta khẳng định chính họ đã sinh ra để phục vụ ai và sống vì ai. Rồi Lê Anh Xuân đã ngã xuống như những chiến sĩ trên đường bay Tân Sơn Nhất và để lại “Dáng đứng Việt Nam” bất khuất anh hùng...Họ đã ra đi mãi mãi và để lại những trang văn in dấu một thời. Cái nhiệt tình công dân tạo nên cảm hứng sáng tạo và sự hinh sinh của những nhà văn chiến sĩ là rất to lớn, vô giá. Họ là thế đấy ! Chiến đấu với bệnh tật, với cái chết đang kề cận mà Nguyễn Minh Châu vẫn phục vụ Tổ Quốc, nhân dân, viết Phiên Chợ Giát ở quê hương. Nguyên Hồng ẩn mình nơi rừng sâu Yên Thế viết về anh hùng Hoàng Hoa Thám...Rồi hàng loạt những nhà văn tiền chiến đã tham gia cách mạng , từ chối những phòng văn sang trọng ở Hà Thành như Nguyễn Tuân, Nguyễn Công Hoan, Chế Lan Viên, Nguyên Hồng, Xuân Diệu... đã vác ba lô theo bước chân anh vệ quốc. Cũng chính vì thế hôm nay ta đọc lại Trần phớ Ràng (Trần Đăng), Tây Tiến (Quang Dũng)...chúng ta thấy văn học nghệ thuật quả là tham gia vào mặt trận theo cách riêng của mình.

Quan điểm “Văn học nghệ thuật cũng là một mặt trận” , vẫn rõ ý nghĩa lâu dài khi chúng ta xác định trách nhiệm và tính “chiến đấu” của người nghệ sĩ. Bác muốn khẳng định rõ cho tất cả tầm quan trọng và tính quyết liệt của địa hạt này. Và Bác cũng khuyên nhủ những họa sĩ, cũng như những văn nghệ sĩ, những người tham gia lĩnh vực này phải có đôi mắt cách mạng, tinh thần cách mạng sắc bén và đúng nghĩa.

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

Lê Quý Đôn cho rằng “Thơ phát khởi từ trong lòng người ta” còn Ngô Thì Nhậm thì nhấn mạnh : “Hãy xúc động hồn thơ cho ngọn bút có thần”. Từ ý kiến trên, hãy nêu vai trò quan trọng của tình cảm trong thơ.

BÀI LÀM

Sáng tạo nghệ thuật quả là một công trình đầy khó khăn, phức tạp, không phải ai muốn cũng làm được. Một nhà văn, muốn sáng tác một tác phẩm hay, tồn tại mãi với thời gian, thì ngoài sự hiểu biết rộng rãi, tài năng bẩm sinh, còn phải có một tấm lòng quảng đại, bao dung, phải biết trải qua đau khổ, cay đắng trong cuộc đời thì mới thấu hiểu được những nỗi đau của người khác, phải có cảm xúc thật sự tự đáy lòng mình, thì mới sáng tác được. Và nhà thơ cũng vậy. “Thơ là tiếng nói của trái tim”, một ki đã nói đến “trái tim” tức là đề cập đến tình cảm. Muốn sáng tác tiếp được bài thơ, Lê Quý Đôn cho rằng: “Thơ phát khởi từ trong lòng người ta” và Ngô Thì Nhậm cũng đã nhấn mạnh : “Hãy xúc động hồn thơ cho ngọn bút có thần”. Vậy chúng ta thử tìm hiểu xem sao?

Thường thì khi nói đến thơ là người ta muốn nhấn mạnh đến vai trò tình cảm của thơ. Nó là một trong những yếu tố cơ bản trong quá trình sáng tác thơ. Bởi lẽ thơ là sự giao cảm tâm hồn giữa con người với nhau, cho nên không phải ngẫu nhiên mà Lê Quý Đôn cho rằng : “thơ phát khởi từ trong lòng người ta”.

Con người làm thơ để làm gì? Thường thì khi người ta làm thơ khi có nhu cầu bộc lộ tình cảm, muốn bày tỏ tình cảm tâm tư, tình cảm của mình để người khác có thể thông cảm và hiểu được phần nào của mình. Thơ là thể loại trữ tình, cho nên khi sáng tác, nhà nghệ sĩ phải có những rung động thật sự trước cuộc sống, trước cái đẹp. Nhà họa sĩ muốn tạo một bức tranh hoàn hảo, không phải trong một phút, một giây, một khoảnh khắc mà có thể làm được, có khi cả mấy tháng ngồi vẽ hoài mà cũng vẫn không làm được. Có khi chỉ cần một chút gì đó làm rung động thì cảm hứng vọt trào và tất nhiên sẽ tạo ra một bức tranh thật đẹp

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

Nếu không có rung động, không có cảm xúc thì sẽ không thể nào tạo nên một bài thơ, mà có được thì thơ chỉ có xác, không có hồn. Chính vì thế mà Ngô Thì Nhậm đã nói “Hãy xúc động hồn thơ cho ngọn bút có thần”. Băn hãy để tự “nàng thơ” tìm đến mình, chứ đừng có đi van cầu, gõ cửa “nàng” sẽ không tiếp đâu.

Khi đọc một bài thơ, trước mắt bạn không chỉ hiện ra khung cảnh thiên nhiên, cuộc sống với những buồn vui lẫn lộn mà qua đó bạn sẽ thấy được đôi điều về tâm sự của tác giả. Đó chính là những tâm sự, suy nghĩ, những nỗi niềm của chính tác giả. Bài thơ bao gồm nhiều yếu tố tạo thành, có những chất liệu được khai thác trực tiếp từ hiện thực cuộc sống, có những suy nghĩ được nâng lên thành triết lý, có phần cảm xúc và có tình cảm. Tuy nhiên, tình cảm - chủ thể trữ tình, vẫn là vấn đề cốt lõi trong thơ. Nếu không có tình cảm, tình thương đồng loại thì Nguyễn Du đâu thể nào thốt ra được những lời thơ giàu cảm xúc nhân đạo như :

Thương thay cũng một kiếp người
Hại thay mang lấy sắc tài làm chi
Những là oan khổ lưu ly
Chờ cho hết kiếp còn gì là thân

Nếu không có tình yêu đối với non sông đất nước, thì Chế Lan Viên đâu có được những câu thơ rạo rực khi viết về Tổ Quốc

Ôi Tổ quốc, ta yêu như máu thịt
Như mẹ cha ta, như vợ như chồng
Ôi Tổ quốc, nếu cần ta chết
Cho mỗi ngôi nhà, ngọn núi, con sông...

Cũng như Bác Hồ kính yêu của chúng ta, nếu không có sự đồng cảm mãnh liệt và tâm hồn quảng đại, thì đâu thể nào nghe được âm thanh của đứa bé trong nhà lao đang khóc, vì :

Cha trăn không đi lính nước nhà
Nên nỗi thân em vừa nửa tuổi
Phải theo mẹ đến ở nhà pha

Và nếu có sự đồng cảm ấy thì chắc hẳn Bác không thể nào thấy được cái cảnh mà tưởng chừng như không ai để ý trong chốn lao tù:

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

Anh đứng trong cửa sắt
Em đứng ngoài cửa sắt
Gần nhau trong tắc gang
Mà biển trời cách mặt
Miệng nói chẳng nên lời

Họ gần nhau như lại không thể nào tâm sự, nói chuyện cùng nhau, và thật cảm động thay trước tấm chân tình của Bác khi Bác chợt nhận ra, họ tâm sự bằng mắt:

Nói lên bằng khoé mắt
Chưa nói, lệ tuôn đầy
Tình cảnh thật đáng thương

Nói đến thơ là nói lên sự đồng cảm của nhà thơ đối với cái đẹp, với con người trong cuộc sống quanh mình. Mà hễ nói đến sự đồng cảm là nói đến gốc thiện cảm tình cảm, hiểu theo cách khác; đó chính là tấm lòng nhân dân là cái “tâm” của nhà thơ. Vì sao mà thơ của Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Trần Tế Xương, Nguyễn Khuyến, Hồ Chí Minh... cứ sống mãi trong lòng mọi người, sống mãi với thời gian? Phải chăng các bậc tiền nhân ấy là những người có tài sáng tác thơ hay? Có lẽ điều đó chỉ đúng một phần. Lê Quý Đôn cho rằng : “Thơ phát khởi từ trong lòng ta”. Nếu lòng ta trở lạnh thì làm sao có thơ hay? Điều đó giải thích vì sao Nguyễn Du nói :

Thiện căn ở lại lòng ta
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.

Nhà thơ, trước hết phải có cái tâm, phải có một tấm lòng đôn hậu, biết quý trọng, thông cảm, san sẻ những nỗi đau của người khác. Không có chữ Tâm thì cái tài kia cũng trở nên vô dụng. Mở rộng vấn đề, ta thấy mỗi nhà văn, nhà thơ một khi đã cầm bút thì phải có trách nhiệm, trách nhiệm với xã hội, với người tiếp xúc với tác phẩm của mình.

Nhìn chung trong sáng tác thơ, các tác giả đều chú trọng đề cập đến cái gốc tình cảm, phía có “cái gốc tình cảm của thơ” thì thơ mới đi vào lòng người được. Tô Hữu đã có lần nhấn mạnh “ Thơ là nhịp điệu hồn đi tìm những hồn đồng điệu, thơ là tiếng nói đồng ý, đồng tình, tiếng nói

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

đồng chí...”Rõ ràng quan niệm về thơ của Lê Quý Đôn và Ngô Thì Nhậm cho đến nay vẫn mang một ý nghĩa nhất định với công việc sáng tác thơ văn.

Bạn hiểu biết như thế nào về nội dung khái niệm tính nhân dân trong văn học? Liên hệ thực tế văn học.

BÀI LÀM

Tính nhân dân trong văn học thể hiện mối liên hệ giữa văn học và nhân dân. Nhân dân bao giờ cũng là những tầng lớp quần chúng lao động đông đảo nhất của dân tộc. Chính họ làm nên lịch sử, sáng tạo ra mọi giá trị vật chất tinh thần cho xã hội. Họ là lực lượng lớn lao trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Nói đến nhân dân là nói đến những lực lượng xã hội đông đảo trong quần chúng lao động và những thành phần xã hội khác mang xu thế tiến bộ của một thời đại.

Tính nhân dân là phẩm chất văn học, một mặt nói lên ý thức và sự gắn bó của nhà văn với nhân dân và mặt khác phản tư tưởng, tình cảm, quyền lợi của nhân dân trong tác phẩm văn học.

Chủ nghĩa Mác – Lênin khẳng định vai trò lớn của nhân dân trong lịch sử, là động lực góp phần quyết định sự phát triển của lịch sử các dân tộc, do đó nghệ thuật phải gắn bó với nhân dân. Lênin đã từng chỉ rõ “Nghệ thuật là của nhân dân. Nó phải được họ hiểu và ưa thích. Nó phải thống nhất tư tưởng, tình cảm và ý chí của quần chúng và nâng họ lên một trình độ cao hơn”.

Như thế Lênin nhấn mạnh đến hai yêu cầu quan trọng của văn học. Văn học phải gắn bó và biết tiếp nhận những giá trị lớn lao trong nhân dân và góp phần nâng cao trình độ quần chúng. Tính nhân dân trong một tác phẩm văn học được biểu hiện qua nhiều yếu tố.

Trước hết tác phẩm phải đề cập đến những vấn đề tha thiết của nhân dân, những vấn đề cơ bản của mọi thời đại mà nhân dân là người trực tiếp tham dự vào những cuộc đấu tranh xã hội đó. Chẳng hạn như chiến

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

tranh và hoà bình, quyền sống, quyền tự do, đạo lí truyền thống dân tộc, cuộc đấu tranh giữa cái thiện và cái ác.... Những tác phẩm văn học có giá trị từ xưa đến nay đều phản ánh những vấn đề lớn có ý nghĩa thời đại. Tất nhiên điều ấy nó có ý nghĩa vô cùng với số phận của nhân dân, Tổ quốc. Lịch sử Việt Nam bốn nghìn năm chưa hề ngời tắt ngọn đèn lửa chiến tranh, vì thế dòng văn học Việt Nam phần lớn là những áng thơ văn yêu nước. Số phận dân tộc lâm nguy, thì nó đe dọa số phận mỗi con người dân... Cho nên, dù là sáng tác bằng chữ Hán nhưng bài thơ Thần của Lí Thường Kiệt, Hịch tướng sĩ của Trần Quốc Tuấn, Bình ngô đại cáo của Nguyễn Trãi... đều mang đậm tính nhân dân. Lời thơ đánh thép hào sảng của Lí Thường Kiệt, cái trăn trở dằn vặt, căm giận kẻ thù của Trần Quốc Tuấn “Ta thường tới bữa quên ăn...” và niềm tự hào dân tộc khi Nguyễn Trãi cất cao giọng đọc Bình Ngô đại cáo “Nhu nước Đại Việt ta từ trước “ của Nguyễn Trãi... Ai nói rằng nó không mang trong lòng nó những khao khát, ý chí bảo vệ độc lập chủ quyền của dân tộc? Ai nói rằng đó là tâm sự riêng của một cá nhân. Dù không nói đến dân, chỉ nói đến “vua Nam” chỉ nhắc đến triều đại “từ Triệu, Đinh, Lí, Trần gây nên độc lập” nhưng các tác phẩm văn học cổ điển của chúng ta thấm sâu tính nhân dân. Chẳng trách mà trong cuốn hồi kí mới đây, cựu Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Mắc – na – ma – ra đã cho rằng một trong những nguyên nhân thất bại của Mỹ ở Việt Nam là do không hiểu về lịch sử nhân dân Việt Nam. “Ngày ra đi chốn biên cương, gió bắc lùa về lòng anh lạnh buốt. Nòng súng thép dán câu thơ, ý thơ tuyệt hay là thơ Lí Thường Kiệt. Lòng người Việt nam nào đă dău thích gì bom đạn”.... Lời bài hát t huở nào đã nói hộ lòng dân một thời.

Tư tưởng thần dân của Nguyễn Trãi đã trở thành nguồn máu nóng chảy trong huyết mạch các tác phẩm của ông tạo nên tính nhân dân đậm đà và đầy niềm tự hào xúc động.

Và... “Tổ như ơi lệ chảy quanh thân Kiều”. Tiếng khóc vĩ đại của Nguyễn Du, lòng nhân đạo vĩ đại của ông đã làm bao thế hệ người Việt Nam rơi lệ. Truyện Kiều huyền diệu có lẽ trước hết là tiếng nói đòi quyền sống, quyền tự do, hạnh phúc, quyền được bảo vệ nhân phẩm tốt

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

đẹp của con người...Nguyễn Du đã đứng trên lập trường nhân dân, đứng giẫm chân trong nỗi đau của nhân dân mà bênh vực cho những giá trị đạo đức nhân dân cũng như phần nộ với những thế lực mà nhân dân căm ghét. Có nhiều người đã bắt bẻ rằng Nguyễn Du vốn không phải là người lao động, nàng Kiều cũng thế và do đó mà truyện Kiều đâu có tính nhân đi trong chốn đoạn trường như cả dân tộc, nhân dân ta từng một thời “ma đưa lối quỷ đưa đường” sờ sẫm trong một xã hội ngột thở...

Một tác phẩm văn học có tính nhân dân phải nói lên được tư tưởng tiến bộ nhất của nhân dân trong từng thời kì lịch sử, cách đánh giá của nhân dân với các hiện tượng xã hội. Tư tưởng yêu nước trọng dân của Nguyễn Trãi là tư tưởng tiến bộ nhất thời kì lịch sử này.

Nguyễn Đình Chiểu qua những áng văn tế của mình, đặc biệt là Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc đã ca ngợi nhân dân yêu nước chống giặc ngoại xâm. Họ chỉ có : “Một manh áo vải”, “một ngọn tầm vông” nhưng vẫn hăng hái công đồn như vũ bão.

“Chi nhọc quan quân trông kì, trông giục, đập rào lướt tới, coi giặc cũng như không, nào sợ thằng Tây bắt đạn to, xô cửa xông vào, liều mình như chẳng có”.

Đây là bức tranh quần chúng nổi dậy, như thác đổ, không dễ có trong văn học thời trung đại. Tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu trong các sáng tác này cũng chính là đỉnh cao của tư tưởng yêu nước tiến bộ của giai đoạn lịch sử đau thương nhưng anh dũng này.

Một số tác phẩm không trực tiếp viết về nhân dân nhưng dù viết về những đề tài khác nhau mà bộc lộ cách nhìn và đánh giá của nhân dân thì cũng mang tính nhân dân. Chinh phụ ngâm và Cung oán ngâm khúc là những khúc ngâm rất gần gũi với tâm tình của nhân dân mặc dù nhân vật trong các sáng tác không trực tiếp là người lao động.

Một tác phẩm có tính nhân dân phải có giá trị về mặt thẩm mĩ cao để cung cấp món ăn tinh thần cho quần chúng vốn nhu cầu thẩm mĩ hết sức phong phú, đa dạng. Nhân dân đòi hỏi văn học phản ánh được cái muôn màu muôn vẻ của thiên nhiên, cuộc đời, phải đề cập tới những

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

niềm vui, nỗi buồn của con người. Nhân dân không chấp nhận những tác phẩm giả tạo, hời hợt và vô dụng. Điều này giải thích tại sao đã hai trăm năm đại thi hào Nguyễn Du mất nhưng “thuở vui buồn Kiều sống giữa lòng dân”. Và đến nay “tiếng thương như tiếng mẹ ru những ngày” của Tố Như vẫn làm say lòng người.

Hình thức của tác phẩm phải bình dị, gần gũi với người đọc, tránh lối viết cầu kì, xa lạ. Có như thế, nhưng thông điệp tư tưởng, tình cảm của nhà văn mới đến trái tim quần chúng bằng con đường ngắn nhất. Các nhà văn, nhà thơ phải biết tiếp thu, nhuần nhĩ trong tác phẩm của mình. Mặt khác, nhà văn phải góp phần không ngừng nâng cao trình độ thưởng thức văn học của quần chúng.

Có nhiều người ham hồ trở về với nhân dân để học lời ăn tiếng nói của nhân dân. Tuy nhiên, có lúc cực đoan sẽ dẫn tới hậu quả đáng tiếc. Ông hoàng Thơ mới Xuân Diệu có những kinh nghiệm học tập rất đáng quý nhưng khi tự nguyện “cùng xương thịt với nhân dân của tôi, cùng đổ mồ hôi cùng sôi giọt máu” với quần chúng Xuân Diệu cũng có những bài, những câu thơ quá dễ dãi và mờ nhạt. Thủ tướng Phạm Văn Đồng trước đây khi nói về hai câu thơ Kiều trong như ánh sáng: “Long lanh đáy nước in trời, Thành xây khói biếc non phôi bóng vàng” thì thán phục vô cùng. Ông cho rằng, đó là ngôn ngữ của nhân dân rất trong sáng và đã qua bàn tay của một người thợ, người nghệ sĩ thiên tài mài giũa. để viết về lòng căm thù giặc của người nghệ sĩ – nhân dân, Nguyễn Đình Chiểu đã dùng lời ăn tiếng nói hàng ngày của họ. Tưởng như khó có thể diễn đạt hay hơn nếu không dùng cái so sánh bình dị này.

Ghét thói mọi như nhà nông ghét cỏ

Nhân dân vốn là Mẹ của Hồn thơ, hào hiệp cho ta những vàng trắng nghệ thuật. Không nên và không thể dùng ngôn ngữ của nhân dân mà lại không mài giũa sáng tạo.

Có lẽ để thay cho lời kết luận ta hãy đọc lời của nhà phê bình văn học Nga bê – ê – lin- xki : “ Nhân dân với nghệ thuật đúng là dầu với lửa, dầu xuôi ngọn lửa thành ánh sáng hoặc hơn nữa như đất với cây cối, đất cấp thức ăn cho cây cối”....

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

Ngôn ngữ là yếu tố thứ nhất của văn học, như màu sắc đối với hội họa, âm thanh đối với âm nhạc, hình khối đối với kiến trúc. Nói cho cùng, văn học là nghệ thuật của ngôn ngữ. Những nhà văn lớn đều là những nhà ngôn ngữ trác tuyệt. Trong sự sáng tạo của nhà văn, sự sáng tạo về ngôn ngữ đóng vai trò quan trọng. Trong lao động nghệ thuật của nhà văn có một sự lao tâm khổ tứ về ngôn ngữ.

Nhà văn đã sử dụng ngôn ngữ toàn dân để sáng tác tác phẩm văn học, để sáng tạo ra ngôn ngữ văn học. Giữa ngôn ngữ đời sống và ngôn ngữ văn học có sự khác biệt. Theo Go-rơ-ki, ngôn ngữ nhân dân là tiếng nói “nguyên liệu”, còn ngôn ngữ văn học là tiếng nói đã được nhúng người thợ tinh xảo nhào luyện.

Ngôn ngữ văn học có những đặc điểm riêng:

Ngôn ngữ văn học chính xác, tinh luyện. Thường thì một khái niệm có nhiều từ để diễn tả, nhưng chỉ một từ là đúng, là chính xác với điều nhà văn muốn nói. Trong khi viết văn, nhà văn phải lựa chọn từ nào là chính xác nhất. Các nhà văn cổ điển đã giác ngộ về ngôn ngữ sâu sắc, vì vậy, tác phẩm của họ có giá trị bền lâu.

Nguyễn Du tả Thúy Vân:

“... Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da”

Và tả Thúy Kiều:

“... Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh”

“Thua” và “nhường”, “ghen” và “hờn” là những từ “định mệnh” của hai nhân vật, chính xác một cách tuyệt đối.

Tản Đà đã cân nhắc từ “tuôn” và “khô” cho câu thơ:

“Suối tuôn dòng lệ chờ mong tháng ngày”

Và: “Suối khô dòng lệ chờ mong tháng ngày”

Cuối cùng, tác giả đã chọn từ “khô” vì nó sâu hơn, chính xác hơn, tinh luyện hơn.

Nói đến đặc điểm này, chúng ta cũng nên nhớ đến một ý kiến của Vích to Huy-Go. Ông nói: “Trong tiếng Pháp không có từ nào hay, từ nào dở, từ nào đặt đúng chỗ là từ đó hay”.

Thật vậy, chúng ta hãy thưởng thức cái hay của sự “đặt đúng chỗ” đó:

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

“Lúa nín anh trật dép”

(Trần Hữu Thung)

Từ “nín” rất quen thuộc, được đặt vào văn cảnh này ý nghĩa trở nên mệnh mông.

“Mình đi mình có nhớ mình”

(Việt Bắc – Tố Hữu)

Từ “mình” rất cũ, Tố Hữu đã dung với ý nghĩa mới để diễn đạt nội dung tư tưởng cách mạng.

Đúng như Mai-a-cốp-xki nói “làm thơ là cân từ 1/1000 mg quặng chữ”. Đặc điểm thứ hai của ngôn ngữ văn học là tính hình tượng. Ngôn ngữ văn học không trừu tượng như ngôn ngữ triết học, chính trị, cũng không phải là ngôn ngữ kí hiệu hóa như một số môn khoa học.

Ngôn ngữ văn học trực tiếp xây dựng hình tượng trong tác phẩm nên nó không trừu tượng mà mang tính chất cảm tính cụ thể.

Ngôn ngữ gợi màu sắc:

“Vườn ai mướt quá, xanh như ngọc.”

(Hàn Mặc Tử)

“Trong vườn sắc đỏ rửa màu xanh”

(Xuân Diệu)

“Đầu tường lửa lựu lập lòe đơm bông”

(Nguyễn Du)

Ngôn ngữ gợi đường nét:

“Lơ thơ tơ liễu buông mành”

Ba âm “ơ” (lơ, thơ, tơ) gợi đường nét thưa thớt của những chiếc lá liễu buông mành.

“Súng bên sung đầu sát bên đầu”

(Chính Hữu)

Hình ảnh của tình đồng chí: nét thẳng (súng) của ý chí hòa hợp với nét cong (đầu) của tình cảm.

Ngôn ngữ gợi hình khối:

“Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa”

(Hồ Chí Minh)

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

“Cổ thụ” là một khối to đậm tiêu biểu cho sự hùng vĩ của núi rừng.
“Hoa” là một nét nhỏ, nhẹ tiêu biểu cho vẻ thơ mộng của núi rừng. Tất cả đều nhuốm ánh trăng thật là huyền ảo.

“ Lốp lốp mây cao đùn núi bạc
Chim nghiêng cánh nhỏ bong chiều sa.”

Từ “đùn” miêu tả sự vận động của những khối mây như núi bạc. Bên cạnh khối mây khổng lồ đó, cánh chim đã nhỏ lại càng nhỏ hơn. Huy Cận đã diễn tả tài tình tâm trạng cô liêu trong tâm hồn thi nhân.
Nhà thơ Tố Hữu đã diễn tả tâm trạng của ông khi trở về thăm người mẹ nuôi xưa với ngôn ngữ thơ giàu hình ảnh và nhạc tính:

Tôi lại về quê mẹ nuôi xưa
Một buổi trưa nắng dài bãi cát
Gió lộng xôn xao sóng biển đu đưa
Mát rượi long ta ngân nga tiếng hát
Nhà thơ Tố Hữu nói: “Nhịp điệu của hai câu thơ là nhịp điệu của sóng gió và cũng là nhịp điệu của náo nức xôn xao và biết bao sung sướng êm ái trong lòng người trở về quê cũ, nơi đã nuôi mình”.

Đặc điểm thứ ba của ngôn ngữ văn học là tính biểu cảm. Ngôn ngữ văn học chẳng những phải chính xác, phải có tính hình tượng mà còn có giá trị biểu cảm. Văn học trực tiếp bộc lộ cảm xúc của nhà văn qua ngôn ngữ văn học. Nhà nghệ sĩ giàu cảm xúc nên ngôn ngữ văn học giàu tính biểu cảm. Tất nhiên, tính biểu cảm có thể bộc lộ dưới nhiều dạng thức: trực tiếp, gián tiếp, có hình ảnh hoặc là ngôn từ thuần túy.

Khi Nguyễn Trãi viết: “Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn” thì từ “nướng” đã chứa chất cả tinh thần phẫn nộ của ông đối với giặc Minh.
Khi Tú Xương viết: “Tôi nghe kẻ cướp nó lên ông” thì từ “lên” vừa diễn tả chính xác hành vi của kẻ cướp, lại vừa bộc lộ thái độ châm biếm, chế giễu tên quan tuần phủ.

Khi Xuân Diệu viết: “Con cò trên ruộng cánh phân vân” thì cánh cò ấy là cánh cò đầy tâm trạng của trái tim đang yêu của thi sĩ.

Khi Chế Lan Viên viết: “Ta là ta mà vẫn cứ mê ta” là ông quá say mê với cuộc sống, quá tự hào về thời đại và dân tộc mà ông đã diễn tả bằng

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

một thứ ngôn ngữ trần trụi như thế.

Nói đến ngôn ngữ văn học, không thể quên được lời nhận xét tinh tường của Pau-tốp-xki (Nga): “Thi ca có một đặc tính kì lạ. Nó trả lại cho chữ cái tươi mát, trinh bạch ban đầu. Những chữ tả tơi nhất mà chúng ta đã nói cạn đến cùng, mất sạch tính chất hình tượng, đối với chúng còn lại chẳng khác gì một cái vỏ chữ. Những chữ ấy trong thi ca lại sáng lấp lánh, lại kêu giòn và tỏa hương

Đặc điểm của ngôn ngữ văn học

Bài làm

Kết thúc bài “Một thời đại trong thi ca” đánh giá thành tựu của phong trào Thơ mới. Hoài Thanh viết: “Bi kịch ấy họ gửi cả vào tiếng Việt, họ yêu vô cùng thứ tiếng trong mấy mươi thế kỉ đã chia sẻ vui buồn với cha ông, họ dồn tình yêu quê hương trong tình yêu tiếng Việt. Tiếng Việt, họ nghĩ là tấm lụa đã hứng vong hồn những thế hệ qua. Đến lượt họ, họ cũng muốn mượn tâm hồn bạch chung để gửi nỗi băn khoăn riêng”.

Nhắc đến tiếng mẹ đẻ, Lưu Quang Vũ có những vần thơ tha thiết:

Trái đất rộng giàu sang bao thứ tiếng
Cao quý, thâm trầm, rực rỡ, vui tươi
Tiếng Việt rung rinh nhịp đập trái tim Người
Như tiếng sao như dây đàn máu nhỏ

Nhờ ngôn ngữ tiếng Việt mà ta nghe được:

Tiếng tủi cực kẻ ăn cầu ngủ quán
Thành Nguyễn Du vắng vắng nỗi thương đời...

(Tiếng Việt)

Như vậy, người sáng tạo lẫn nhà phê bình văn học đều quan tâm đến một yếu tố quyết định cho sự thành bại của giá trị tác phẩm: đó là ngôn ngữ nghệ thuật, chất liệu cấu thành tác phẩm.

Ngôn ngữ là yếu tố đầu tiên của văn học
(M.Gorki)

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

Thơ, truyện ngắn, bút kí, tiểu thuyết... có được đều là do ngôn ngữ nghệ thuật cấu thành. Không có ngôn ngữ nghệ thuật thì không có văn bản văn học. Dùng ngôn ngữ làm chất liệu, văn học mang nhiều đặc điểm khác biệt với các bộ môn khoa học khác.

Văn học là thế giới của sự sáng tạo. Cuộc sống văn học phản ánh là cuộc sống được nhà văn tái tạo cái nhìn chủ quan của mình bằng ngôn ngữ văn chương. Ngôn ngữ của văn học phải có những đặc điểm mà ngôn ngữ thông thường không có về tính biểu cảm, tính hình tượng, tính hàm súc,... Văn học giáo dục tâm hồn con người bằng quá trình tự nhận thức, bằng cách tác động vào tình cảm và phải trải qua thời gian dài để thấm sâu dần. Do đó, ngôn ngữ của văn học phải giàu hình tượng, giàu tính biểu cảm và để tránh sự diễn đạt nôm na, dông dài, nó phải gợi nên cảm xúc sâu sắc nhờ tính hàm súc, chính xác.

Ngôn ngữ văn chương chỉ có ở văn học. Các môn khoa học khác ít cần dùng đến chất văn chương khi sử dụng ngôn ngữ. Để viết nên 1 định lí, 1 công thức, 1 bản thống kê...

Người ta không cần đến tính biểu cảm, tính hình tượng, hoặc tính cá thể hoá trong ngôn ngữ.

Nói đến ngôn ngữ văn chương, ta nghĩ ngay đến ngôn ngữ trong thơ. Nó tiêu biểu cho phong cách văn chương với những cách dùng từ, đặt câu rất lạ mà ngôn ngữ thông thường không có được. Mỗi câu mỗi chữ đều hướng tới mức độ cao nhất của cảm xúc. Đọc thơ Xuân Diệu, ta thấy sự sáng tạo trong ngôn ngữ văn chương, trong lối sử dụng ngữ âm khác với thông thường.

Những luồng run rẩy rung rinh lá

Đôi nhánh khô gầy xương mong manh

Tác giả thể hiện cái rét mướt, run rẩy, cái cảm giác lẻ loi, đơn độc nhờ lối diễn tả lạ giàu chủ từ trong câu, nhờ vị trí đứng sát bên nhau của 4 phụ âm "r". Không nói gió mà người ta thấy gió, không nói rõ là cành cây mà người ta đã biết cành cây, đó là cách nói hàm súc trong thơ. Chưa biết cái gì làm "run rẩy", chưa biết cái gì đang mong manh mà người ta nghĩ ngay đến cái lạnh lẽo, cái ảm đạm của ngày thu xứ Bắc, đến cái lo

Tải miễn phí tài liệu môn văn <http://thutrang.edu.vn>

sợ,cuồng quýt của chiếc lá sắp lìa cành,cái cuồng quýt của Xuân Diệu sợ mùa xuân đi mất,đó là điều mà tác giả muốn nói.Và đó cũng là cái mà ngôn ngữ văn chương đã tạo ra cho ta cảm xúc khi đọc”Đây mùa thu tới”!Hình ảnh chiếc lá “run rẩy rung rinh”,những cành cây “Khô gầy xương mong manh”cứ như đứng đưa ngay trước mắt.

Ngôn ngữ văn chương không chỉ chú trọng đến cảm xúc,đến tình cảm mà còn chú ý tính hệ thống và tính chính xác.Cảm xúc là trạng thái rất tinh tế trong tâm hồn.Từ ngữ sử dụng trong văn chương một cách có chủ ý và thông nhất sẽ làm tăng thêm vẻ tinh tế đó.

Miêu tả Từ Hải và Sở Khanh trong “Truyện Kiều”,Nguyễn Du cũng đã xây dựng nên 2 mô hình ngôn ngữ có vẻ tương tự nhau.Nhưng bên cạnh các từ lặp lại ấy,các từ khác có ý nghĩa khác nhau.Từ Hải hiện ra đầy tự tin của một đấng trượng phu:

Lặng nghe ,vừa ý, gật đầu

Cười rằng:Tri kỉ trước sau nầy người

Văn “nghe”,,”gật đầu”nhưng Sở Khanh lại hiện nguyên hình là gã huênh hoang,rõng touch,một tên lừa đảo:

Lặng nghe ,lắm nhảm gật đầu

Ta đây nào phải ai đâu mà rằng

Nhờ tính hệ thống của việc lặp từ,lặp cách miêu tả,ta phát hiện con người giả của Sở Khanh và con người anh hùng thật của Từ Hải cùng nhiều điều thú vị khác mà tác giả không trực tiếp nói.Tính chính xác của ngôn ngữ văn chương có sức thể hiện rất cao tâm lí tình cảm nhân vật.Trong buổi giao duyên Kiều và Vân,Nguyễn Du đã dùng từ”cậy”:

Cậy em,em có chịu lời

“Cậy” là thái độ của người chịu ơn và phải mang ơn,”chịu”lại mang vẻ mệnh lệnh,uy quyền của 1 người chị.Thái độ của Kiều trong từ “cậy”mà không phải là “nhờ”.”Chịu”mà không phải là “nhận” tính chính xác của từ đạt đến mức hoàn toàn,không thể thay thế được từ nào hay hơn!

“Ngôn ngữ văn chương”là ngôn ngữ được sử dụng 1 cách nghệ thuật.Các biện pháp tu từ:so sánh,ẩn dụ,chiết tự,đảo ngữ,nói nhảm,nói

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

giảm...được huy động tối đa.Bằng sự thay đổi,phối hợp các thanh điệu,câu văn trở nên sống động,nó thở bằng nhịp thở của thời đại,của lịch sử sôi sục:

Pháp chạy,Nhật hàng,vua Bảo Đại thoát vị

(Tuyên ngôn Độc lập)

Truyện Kiều không chỉ làm xúc động người đọc ở cốt truyện,tình cảm của nhân vật trong từng câu từng chữ mà trong cái âm điệu của nó cũng làm người đọc xúc động.Thông cảm cho nhân vật người phụ nữ đọc những lời Nguyễn Du viết về họ,ta không khỏi bồi hồi:

Ngán ngơ khi trở về già

Chồng con đâu tá biết nhờ cậy ai

Đọc "Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc"chứng kiến cảnh"Vợ yếu chạy tìm chồng",giữa lúc "Cơn bóng xế dật dờ trước ngõ"ta cảm thấy ngậm ngùi.Cảm xúc bật lên từ hoàn cảnh,nhưng nếu không có các từ"ngán ngơ","bóng xế dật dờ"thì có lẽ cảm xúc đến người đọc không được trọn vẹn.

Có thấy được bóng chiều"dật dờ trước ngõ"có thấy cảnh quạnh hiu một thân lẻ loi của người phụ nữ"khí trở về già"ta mới có cảm xúc với lời văn.Tính hình tượng trong ngôn ngữ nghệ thuật chứa đựng tính sáng tạo của nhà văn trong cách nhìn hiện thực.Hình tượng trong thơ,trong văn rất cụ thể,rất sắc nét,đến mức gây ấn tượng mạnh nhất và người ta như thấy,như có thể sờ mó được nó.

Cách dùng từ trong thơ-trong ngôn ngữ nghệ thuật-giàu hình tượng nhờ những cách nói lạ và sáng tạo của nhà thơ.Trong"Thề non nước"Thế Lữ đã chứa một câu thơ của Tản Đà từ:"suối tuôn dòng lệ chờ mong tháng ngày"thành"suối khô dòng lệ chờ mong tháng ngày".Tuy đã rất sáng tạo trong hình ảnh"suối tuôn dòng lệ"nhưng cách nói của Tản Đà vẫn chưa đạt hiệu quả cao về mặt hình tượng.Cách nói"suối tuôn"vẫn gần với cách nói thông thường,nhưng"suối khô dòng lệ"thì lại là chuyện khác.Hình ảnh này hoàn toàn chỉ có trong ngôn ngữ văn chương.Chỉ có ngôn ngữ văn chương mới tạo ra những hình ảnh độc đáo như thế!Trong ngay bản thân tựa đề"Sống mòn"của Nam Cao,nó cũng gợi ra bao hình

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

ảnh chán chường, cùng quẫn của hình tượng kiếp "sống mòn", sống mà đang chết, chưa sống mà đã chết của một đời thường vô nghĩa. Trong ngôn ngữ thông thường không có cách nói ấy và đó là cách nói riêng của Nam Cao.

Nói đến cách nói riêng của tác giả ta đề cập đến tính cá thể trong ngôn ngữ văn chương. Ngôn ngữ văn chương là ngôn ngữ mang phong cách của nhà văn., Văn Nam Cao

Vốn là "văn lạnh". Các nhân vật của ông thường được gọi là "hắn", "thị" nhờ vậy nhân vật bị đẩy xa. Nam Cao khảo sát, miêu tả nhân vật của mình khách quan hơn. Nam Cao lại chuyên về phân tích tâm lí, văn ông xuất hiện dày đặc những từ những câu chỉ trạng thái, cảm giác. Các từ "bâng khuâng", "mơ hồ", "già nua", "bệnh tật"... với cách nói của các câu theo logic nhân quả, đã làm nổi bật phong cách của Nam Cao. Cách đặt tựa đề: "Tờ hoa" cũng mang đậm phong cách Nguyễn Tuân, một người luôn say mê cái đẹp. Với tài hoa, uyên bác, ông khai thác "thời gian của người". Quá trình lao động, chiến đấu của con người đối với Nguyễn Tuân được gọi là "Tờ hoa!". Các câu chửi xô bồ được ném lên hỗn loạn lên mặt giấy, viết theo thần hứng theo cảm xúc và đầy nước mắt là phong cách của Nguyễn Hồng.

Nhà "nóng này" đã gửi gắm vào các con chữ bằng cảm xúc dạt dào của mình. Hình tượng cũng là sự cá thể hóa. Trong Truyện Kiều, các mùa thu không giống nhau; Thúy Vân. Thúy Kiều đều là hai mỹ nhân nhưng bằng ngôn ngữ diễn tả mỗi người một vẻ.

Ngôn ngữ nghệ thuật phải là ngôn ngữ hàm xúc, "ý tại ngôn ngoại". Dù chỉ cô đúc, ngắn gọn trong bốn hoặc tám câu nhưng những bài thơ tứ tuyệt hoặc bát cú Đường Luật hay vẫn được xem là những tác phẩm có tính hàm xúc, tính đa nghĩa trong ngôn ngữ thơ.

Hai câu thực trong "Thu vịnh" của Nguyễn Khuyến:

Nước biếc trông như tầng khói phủ
Song thưa để mặc bóng trăng vào.

Đâu chỉ là tả thực "Trông như" chỉ là phán đoán về hiện thực "Trong chôn nước biếc ấy ta trông như tầng khói phủ". "Để mặc" là thái độ hờ

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

hững không quan tâm. Vịnh mùa thu mà lại thờ ơ với cảnh. Vậy thì những từ ngữ của hai câu thơ Yên Đỗ chắc sẽ nói nhiều tâm Sự hơn nữa.

ở tác phẩm Thuộc của Lỗ Tấn đằng sau cái im lặng của mọi người trong quán trà, đằng sau cái câu "Điên thật rồi!" được lặp lại ở ba đối tượng khác nhau là thái độ đánh giá Hạ Du của nhân dân Trung Hoa, từ già chí trẻ. Những điều đó, tác giả đã nhắn gửi tới người đọc không trực tiếp mà thông qua cách sắp xếp các lời nói, các hình ảnh trong tác phẩm. Có cảm nhận được cả những điều không có trong câu chữ, văn bản đó, mới hiểu hết được cái hay của ngôn ngữ văn chương.

Xét riêng tong văn bản, tong câu thơ không phải lúc nào ngôn ngữ văn chương cũng mang hết những đặc điểm đã nêu trên. Chỉ cần một hay hai đặc điểm trên thì ngôn ngữ là ngôn ngữ văn chương. Để hướng tới cái đẹp của một tác phẩm, người sáng tác phải huy động các đặc tính của ngôn ngữ để đưa vào trong tác phẩm của mình ngôn ngữ văn chương.

Văn bản cấu thành từ ngôn ngữ, mà ngôn ngữ nghệ thuật sẽ gây nên hiệu ứng ở người đọc. Tư tưởng của nhà văn, cảm hứng nghệ thuật của tác giả cứ thế được truyền tải bằng ngôn ngữ. Những choc năng to lớn của văn học được xây dựng và thể hiện từ cấu trúc ngôn ngữ. Dùng chất liệu ngôn ngữ để xây dựng tác phẩm, nhà văn phải luôn tự giác biết rằng mình đang tận dụng tới đa cái chất văn chương trong ngôn ngữ. Vì thế học tập trau dồi và sử dụng thành công ngôn ngữ trong tác phẩm có lẽ là điều kiện trước hết, điều kiện kiên quyết để sáng tạo văn chương.

Viết lời bình cho một tác phẩm văn học

Đã từ lâu, viết lời bình cho một tác phẩm văn học đã được nhiều tao nhân mặc khách sử dụng, để lại “trang hoa, tờ hoa” diễm lệ.

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

Người viết lời bình vốn am hiểu sâu sắc từ chương học, lịch lãm cuộc đời và văn chương, lại rất tài hoa. Tác phẩm văn chương có hay thì người ta mới viết lời bình. Những lời bình đặc sắc đã dệt gấm thêu hoa cho tác phẩm; cái hay của văn chương như được thăng hoa thấm sâu vào hồn người. Người viết lời bình qua sự thẩm bình của mình mà hướng dẫn người đọc đi sâu vào nơi sâu kín của tác phẩm để cảm nhận, thưởng thức yêu mến.

Phê bình hiện đại còn dằn tải, chưa đạt đến chỗ thâm hậu, tinh tế và linh diệu của văn chương. Những bài “giới thiệu sách” đăng tải trên báo, phần lớn nhạt nhẽo, vô vị vì mang tính chất rao hàng!

Những lời bình của một số nhà nho trong thế kỷ XIX về “Truyện Kiều”, lời bình của Mao Tôn Cương về “Tam quốc chí diễn nghĩa”, lời bình của Thánh Thán về Đường thi, về “Hồng lâu mộng”, vừa hay, vừa sâu sắc, đọc lên nghe rất thú vị.

Viết lời bình cũng là một kiểu bình giảng đặc biệt. Người viết lời bình hay là viết ngắn mà thâm tóm được linh hồn áng văn thơ, khen chê cái hay, cái đẹp của tác phẩm trên những căn cứ thi pháp và quan điểm thẩm mỹ tiên bộ.

Trong bài “Một đôi điều tâm sự trên câu chuyện bình thơ” nhà văn Hoài Thanh viết:

“Làm thơ là một cách phát biểu ý kiến, Bình thơ cũng là một cách phát biểu ý kiến. Không phải chỉ là phát biểu về thơ, mà trước hết là phát biểu về những vấn đề tư tưởng tình cảm đang đặt ra trong cuộc sống (...)

Người bình thơ không phải muốn nói gì thì nói, phải dựa vào thơ mà nói, không được mượn cớ bình thơ để nói những chuyện không có gì dính dáng với thơ. Cho nên trước hết là phải tìm hiểu bài thơ, tập thơ cho đúng. Tìm hiểu thơ, tìm hiểu người làm thơ, am hiểu hoàn cảnh ra

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

đời của thơ. Bình thơ đòi hỏi phải có cảm xúc, có tình cảm nhưng là cảm xúc, tình cảm trên cơ sở một sự hiểu biết khoa học, không thể là một thứ cảm tính vu vơ. Điều này không dễ nhất là đối với thơ xưa”.

Cũng như kiểu bài Tóm tắt tác phẩm, Giới thiệu tác giả, kiểu bài Viết lời bình chưa đề cập đến, chưa được coi trọng thỏa đáng. Chúng tôi hy vọng rằng kiểu bài Viết lời bình không chỉ là hình thức tập dượt bình giảng mà còn được đưa vào bài tập ngắn thường xuyên trong quá trình giảng dạy và học tập.

Những lời bình - đọc tham khảo

“Vui buồn, tan hợp, mười mấy năm trời, trong cuốn văn tả ra như hết, không khác gì một bức tranh vậy. Xem đến chỗ giấc mộng đoạn trường tỉnh dậy mà căn duyên vẫn gỡ chưa rồi, khúc đàn bạc mệnh gảy xong, mà oán hận vẫn còn chưa hả, thì dẫu đời xa người khuất, không được mục kích tận nơi nhưng lời văn tỏ ngậm ngùi, đau đớn như đứt ruột. Thế thì gọi tên là “Đoạn trường tân thanh” cũng phải.

Ta lúc nhàn đọc hết cả một lượt, mới lấy làm lạ rằng: Tó Như Tử dụng tâm đã khổ, tự sự đã khéo, tả cảnh đã hết, đàm tình đã thiết, nếu không phải có cái con mắt trong thấu cả 6 cõi, tấm lòng nghĩ suốt cả nghìn đời, thì tài nào có cái bút lực ấy, bền vui mà viết bài tựa này”

(Tiên phong Mộng Liên Đường chủ nhân Bùi Kỳ dịch)

Tu thân

Thấy người hay thì cố mà bắt chước, thấy người dở thì phải tự xét xem có dở như thế không để mà sửa đổi,

Chính mình có điều hay, thì phải cố mà giữ lấy, chính mình có điều dở, thì phải cố mà trừ đi.

Tải miễn phí tài liệu môn văn

<http://thutrang.edu.vn>

Người chê ta, mà chê phải, tức là thầy ta; người khen ta, mà khen phải, tức là bạn ta; còn người nịnh hót ta lại là cừu địch, hại ta vậy.

Cho nên người quaan tử trọng thầy, quý bạn và rất ghét cừu địch, thích điều phải mà không chán, nghe lời can mà biết răn... Như thế dù muốn hay không cũng không đạt.

Kẻ tiểu nhân thì không thế. Cực bậy, mà lại ghét người chê mình; rất dỏ, mà lại thích người khen mình; bụng da như hổ lang, ăn ở như cầm thú, mà thấy người ta không phục, lại không bằng lòng; thân với kẻ xiêm nịnh, xa cách kẻ can ngăn, thấy người chính trực thì cười, thấy người trung tín thì chê... Như thế thì dù muốn không dỏ cũng không được

(Tuân Tử)

* Lời bàn của Nguyễn Văn Ngọc và Trần Lê Nhân, đồng tác giả cuốn sách “Cổ học tinh hoa” rất nổi tiếng, xuất bản từ năm 1925:

“Cái đạo tu thân rút lại chỉ có biết theo điều hay, biết tránh điều dỏ. Mà muốn tới cái mục đích ấy, thì không những là tự mình phải xét mình lại còn phải xét cái cách người ở với mình nữa. Đối với người, cần phải biết hai điều: Ai khen, chê phải, khen răn hay, thì phục, thì bắt chước: ai chiều lòng nịnh hot, thì tránh cho xa, coi như quân cừu địch. “Nên ưa người ta khuyên mình hơn người ta khe mình”, có như thế, mình mới tu thân được”.

* Bình 2 câu thơ sau của Đỗ Phủ:

“Độc thư pá vạn quyền,

Hạ bút như hữu thần”.

(Độc sách phá vạn quyền,

Tải miễn phí tài liệu môn văn <http://thutrang.edu.vn>

Hạ bút (viết) như có thần).

Có người hỏi: “Thơ đã không phải loại kinh điển, cần gì phải nêu cái thuyết “Độc sách phá vạn quyển” của Thiệu Lăng? Vậy thì người đó không biết rằng ba chữ “phá” và “hữu thần” toàn là phép dạy người đọc sách làm văn đấy. Đó là “phá” quyển sách để tiếp thu lấy cái “thần” của nó, chứ không phải là hoàn toàn nhặt nhạnh cả căn bản của nó vậy. Tầm ăn lá dâu nhưng nhả ra tơ chứ không phải nhả lá dâu. Ong hút nhụy hoa mà gây thành mật chứ không phải gây thành nhụy hoa. Đọc sách như ăn cơm vậy, kẻ “khéo ăn”, tinh thần xê lớn lên, kẻ “không khéo ăn” sinh ra đờm, bướng”.

Viên Mai (Đời Thanh) (“Tuỳ viên thi thoại”)

* “Thi hữu biệt tài, thi hữu biệt thú”

(Thơ có thể tài riêng, thơ có hứng thú riêng).

“Thơ có thể tài riêng không liên quan đến sách vậy. Thơ có hứng thú riêng, không liên quan tới lý vậy. Nhưng nếu không đọc sách nhiều, không suy nghĩ nhiều, thì thơ không thể đạt tới chỗ tuyệt đỉnh được. Vậy thì không bước vào con đường của cái lý, không rơi vào cái rọ của ngôn từ là hay nhất. Thơ là để ngâm vịnh tính tình. Những nhà thơ thời Tịch Đường Cchỉ sáng tác khi nào có hứng thú, không để lại một gợn vết nào, tựa như con linh dương trên rừng. Vì vậy chỗ thần diệu củ thờ họ trong vắt lung linh, không thể gom vào được, như âm thanh giữa tầng không, như thần sắc nơi hình tượng, như bóng trăng in đáy nước, như hình ảnh trong mặt gương, lời hết rồi mà ý vẫn vô cùng. Các nhà thơ gần đây chỉ thích kỳ lạ lập đi, họ coi văn tj là thơ, coi tài học là thơ, coi nghị luận là thơ. Có bài không phải là không hay, nhưng khác với thơ của cổ nhân lắm”.

Nghiêm Vũ (đời Tống) (“Thương Quang thi thoại”)

Tải miễn phí tài liệu môn văn <http://thutrang.edu.vn>

* Kim Vân Kiều là tiếng nói hiểu đời,

Hoa Tiên là tiếng nói răn đời vậy.

“Than ôi! Lấy quốc ngữ làm văn chương, thì ta chưa dám, nhưng lấy văn chương mà coi quốc ngữ, thì ta có phần tán thành.

Nước ta từ sau Hàn Thuyên, các tác gia mọc lên như rặng: Ôn Như Hầu làm thơ cổ, cận, khuôn mẫu ngang với Thiếu Lăng. Bằng Quận công đặt điệu cung từ, giọng ruồi không nhường Hán, Nguỵ, đến như văn của truyện khúc đến nay ta được thấy Hoa Tiên và Kim Vân Kiều.

Như vậy, nếu chỉ coi quốc ngữ là quốc ngữ, thì hai cuốn truyện này không có cũng được, nhưng nếu còn cần phải tiến lên tìm cách làm cho rõ thể nào là văn chương của ta, thì các bạn cùng yêu văn với ta nghĩ sao đây?

Kim Vân Kiều là tiếng nói hiểu đời, Hoa Tiên là tiếng nói răn đời vậy”.

Cao Bá Quát (Trích “Bài tựa truyện Hoa Tiên”)